Câu 1: Quá trình hình thành và phát triển của của CNXHKH. Ý nghĩa của việc học tập nghiên cứu của CNXHKH.

Khái niệm CNXHKH:

Theo nghĩa rộng, CNXHKH chính là chủ nghĩa Mác-Lênin, nó bao gồm tất cả các bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin như triết học duy vật lịch sử và duy vật biện chứng, kinh tế học chính trị. Vì cơ bản các thành phần ấy đều dẫn đến cái tất yếu lịch sử, là thực hiện cách mạng xã hội và xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa, đó cũng là kết quả của CNXHKH. Vì vậy mà nhà lý luận lỗi lạc người Nga V.I. Lê-nin cũng khẳng định: "CNXHKH tức là chủ nghĩa Mác".

Theo nghĩa hẹp, CNXHKH về mặt lý luận nằm trong " chủ nghĩa xã hội", là nột trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác-Lênin, nghiên cứu sự vận động của xã hội nhằm thủ tiêu chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến tới xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa. Với tư cách là một bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội có một số điểm nổi bật:

Một là, chỉ ra rõ con đường hiện thực dựa vào khoa học để thủ tiêu tình trạng người bóc lột người và đưa ra một tổ chức xã hội mới không biết đến chủ nghĩa tư bản mà những người theo chủ nghĩa không tưởng đã hằng mơ ước.

Hai là, dựa vào kết quả của hai bộ phận hợp thành khác của chủ nghĩa Mác-Lênin là triết học duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và kinh tế học chính trị.

Ba là, CNXHKH là thế giới quan, hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân, biểu hiện những lợi ích của giai cấp này trong nhiệm vụ xây dựng lại xã hội một cách cách mạng.

Bốn là, CNXHKH tổng hợp không chỉ những kinh nghiệm đâu tranh giai cấp của giai cấp công nhân, kinh nghiệm cách mạng xã hội chủ nghĩa mà cả kinh nghiệm của những phong trào dân chủ quần chúng, các cuộc cách mạng dân chủ tư sản vaf giải phóng dân tộc.

Sự ra đời của CNXHKH:

Để cho ra đời một học thuyết lớn như vậy, có thể kể đến rất nhiều các yếu tố xã hội và công lao của nhiều học giả khác. Tuy nhiên, để tập trung vào chủ đề chính của câu hỏi em chỉ phân tích hai vấn đề, đó là đièuu kịnh kinh tế xã hội và vai trò của Các Mác và Ăngghen.

Điều kiện kinh tế-xã hội:

Thời kỳ Khai sáng vào thế kỉ thứ XVIII tại châu Âu đã sảng sinh ra những nhà bác học nổi tiếng như Niu-tơn, với những phát kiến vĩ đại, tạo nền tảng tri thức cho các tiến bộ trong kỹ thuật sản xuất. đó cũng là điều kiện để cuộc Cách mạng công nghiệp ở Anh ra đời và mang đến những thành tựu to lớn trong sản xuất. Khởi đầu cho cuộc cách mạng là "thoi bay" của Giôn Kay cùng những phát minh nổi tiếng khác như máy dệt, dầu máy xe lửa và phải kể đến máy hơi nước của Giêmx Oát. Nhờ đó mà năng xuất lao động tăng lên rất nhiều lần, tạo ra một lực lượng sản xuất vô cùng to lớn.

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp phát triển mạnh mẽ tạo nên nền đại công nghiệp. Nền đại công nghiệp cơ khí làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có bước phát triển vượt bậc. Phương thức sản xuất này đã lm cho lực lượng sản xuất phát triển như vũ bão, trong Tuyên ngon Đảng cộng sản cũng có đề cập 'giai cấp tư sản trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ đã tạo ra một lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước đây gộp lại'. Điều này cũng đồng nghĩa với việc, giai cấp công nhân ngày càng phát triển về số lượng. Với điều kiện sống khó khăn lúc bấy giờ, mỗi ngày phải làm việc từ 14 đến 16 giờ, họ bị bóc lột nặng nè, lạm dụng sức lao động, đồng lương khan hiếm, điều kiện ăn ở tồi tàn. Ngày càng bị áp bức bóc lột, họ bị dồn vào bức đường cùng. Do đó, họ phải đứng lên đấu tranh, điều này dẫn đến mâu thuẫn của giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, hay gọi là mâu thuẫn giữa lực lương sản xuất và quan hệ sản xuất.

Xã hội lúc bấy giờ hình thành rõ nét hai lực lượng đối lập nhau: gccn và gcts. Đây là hai gc cơ bản trong xã hội, vừa nương tựa vào nhau để cùng tồn tại, vừa mâu thuẫn với nhau về lợi ích. Cũng từ đây, gccn chống lại sự thống trị của gcts. Nhiều cuộc khởi nghĩa và phong trào đấu tranh bắt đầu diễn ra.

Trước đó, các cuộc khỏi nghĩa chỉ mang tính tự phát. Năm 1811-1812, ở Anh đã nổ ra phong trào đập phá máy móc và nhiều cuộc bãi công. Năm 1836-1848, ở Anh cũng diễn ra phong trào Hiến Chương để đòi cải cách dân chủ của công dân Anh.

Ở Đức, gccn ngày càng lớn mạnh vè số lượng và ý thức. Nhiều cuộc khỏi nghĩa diễn ra để đòi tăng lương, phá huỷ nhà cửa của tư sản. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của công nhân dệt ở thành phố Sơ-lê-đi-ên năm 1844.

Ở Pháp, cuộc khởi nghĩa của thành phố Li-ông có ảnh hưởng đầu tiên của công nhân Pháp. Năm 1831, công nhân dệt đứng dậy khởi nghĩa đòi tăng lương với khẩu hiệu 'Sống có việc làm hay chết trong chiến đấu'. Cuộc khởi nghĩa lần thứ hai xảy ra vào năm 1834 còn nêu khảu hiệu chính trị trên những lá cờ đỏ: 'Cộng hoà hay là chết',

chứng tỏ bước trưởng thành của gccn. Các cuộc khỏi nghĩa đã đánh dấu bước trưởng thành của giai cấp công nhân Pháp, lần đầu tiên bước lên vũ đài cchinhs trị với tư thế của một giai cấp độc lập, lật đổ tư sản bằng biện pháp bạo lực.

Nhìn chung các cuộc đấu tranh đều để lộ nhược điểm về trình độ giác ngộ và tổ chức, chưa có cơ sở lý luận và thiếu sự lãnh đạo sáng suốt. Do đó, geen đòi hỏi một cách bức thiết phải có một hệ thống lý luận soi đường và một cương lĩnh chính trị làm kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

Trước những yêu cầu cấp bách đó của xã hội, cùng với những tư tưởng lnws và sự quan tâm đến số phận của những người bị bóc lột, những nhà tư tưởng đã cho ra một lý luận mới tiến bộ hơn những lý luận trước kia. Và đó chính là CNXHKH. Có thể nói đây chính là mặt trời của những người chưa bao giờ rời khỏi công xưởng, là khát vọng vĩnh hằng và trường tồn của con người.

Ý nghĩa của việc học tập nghiên cứu của CNXHKH:

Ý nghĩa về mặt lý luận

Với tư cách là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin, việc học tập nghiên cứu, vận dụng và phát triển lý luận của CNXHKH phải được đặt trong mối quan hệ triết học, kinh tế chính trị Mác-Lênin, nếu không hai lý luận này sẽ bị chệch hướng về chính trị xã hội, trước hết và chủ yếu là chệch hướng bản chất, mục tiêu là xây dựng CNXH, CNCS, giải phóng hoàn toàn xã hội và con người khỏi các chế độ tư hữu, áp bức bất công chiến tranh nghào nàn lạc hậu và mọi tai hoạ xã hội khác mà thực tế lịch sử nhân loại đã từng trải qua.

Nghiên cứu, học tập và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học, về mặt lý luận, có ý nghĩa quan trọng trang bị những nhận thức chính trị-xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thanhg, phát triển hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa, giải phóng xã hội, giải phóng con người...Vì thế, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin có lý khi xác định rằng, chủ nghĩa xã hội khoa học là vũ khí lý luận của giai cấp công nhân hiện đải và đảng của nó để thực hiện quá trình giải phóng nhân loại và giải phóng bản thân minh. Một khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động không có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về chủ nghĩa xã hội thì không thể có niềm tin, lý tưởng và bản lĩnh cách mạng vững vàng trong mọi tình huống và mọi khúc quanh của lịch sử và cũng không có đủ cơ sở khoa

học và bản lĩnh để vận dụng sáng tạo và phát triển đúng đắn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Cũng như triết học và kinh tế chính trị học Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học không chỉ giải thích thế giới và căn bản là ở chỗ cải tạo thế giới theo quy luật tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học góp phần định hướng chính trị-xã hội cho hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học giúp chúng ta có căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những luận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động đối với Đảng ta, Nhà nước, chế độ ta; chống chủ nghĩa xã hội, đi ngược lại xu thế và lợi ích của nhân dân, dân tộc và nhân loại tiến bộ.

Ý nghĩa về mặt thực tiễn

Bất kỳ một lý thuyết khoa học nào, đặc biệt là các khoa học xã hội, cũng luôn có khoảng cách nhất định so với thực tiễn, nhất là những dự báo khoa học có tính quy luật. Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học lại càng thấy rõ những khoảng cách đó, bởi vì chủ nghĩa xã hội trên thực tế, chưa có nước nào xây dựng hoàn chỉnh. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, cùng với thoái trào của hệ thống chủ nghĩa xã hội thế giới, lòng tin vào chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội khoa học, chủ nghĩa Mác-Lênin của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có giảm sút. Đó là một thực tế. Vì thế, nghiên cứu, học tập và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học càng khó khăn trong tình hình hiện nay và cũng có ý nghĩa chính trị cấp bách.

Chỉ có bản lĩnh vứng vàng và sự sáng suốt, kiên định chủ động sáng tạo tìm ra những nguyên nhân cơ bản và bản chất của những sai lầm, khuyết điểm, khủng hoảng, đổ vỡ và của những thành tựu to lớn trước đây cũng như của những thành quả đổi mới, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta mới có thể đi tới kết luận chuẩn xác rằng; không phải do chủ nghĩa xã hội – một xu thế xã hội hóa mọi mặt của nhân

loại; cũng không phải do chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học...làm các nước xã hội chủ nghĩa khủng hoảng. Trái lại, chính là do các nước xã hội chủ nghĩa đã nhận thức và hành động trên nhiều vấn đề trái với chủ nghĩa xã hội, trái với chủ nghĩa Mác-Lênin...đã giáo điều, chủ quan duy ý chí, bảo thủ, kể cả việc đố kỵ, xem nhẹ những thành quả chung của nhân loại, trong đó có chủ nghĩa tư bản; đồng thời do xuất hiện chủ nghĩa cơ hội-phản bội trong một số đảng cộng sản và sự phá hoại của chủ nghĩa để quốc thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" đã làm cho chủ nghĩa xã hội trên thế giới lâm vào thoái trào. Thấy rõ thực chất những vấn đề đó một cách khách quan, khoa học; đồng thời được minh chứng bởi thành tựu rực rõ của sự nghiệp đổi mới, cải cách của các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, chúng ta càng củng cố bản lĩnh kiên định, tự tin tiếp tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Do đó, việc nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, lý luận chính trị-xã hội nói riêng và các khoa học khác...càng là vấn đề thực tiễn cơ bản và cấp thiết. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống mọi biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, dao động, thoái hóa, biến chất trong Đảng và cả xã hội, giáo dục lý luận chính trị-xã hội một cách cơ bản khoa học tức là ta tiến hàng củng cố niềm tin thật sự đối với chủ nghĩa xã hội...cho cán bộ, học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên và nhân dân. Tất nhiên đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và mở rộng hợp tác quốc tế; tiến hàn hội nhập quốc tế, xây dựng "kinh tế tri thức",xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...đang là những vận hội lớn, đồng thời cũng có những thách thức lớn đối với nhân dân ta, dân tộc ta. Đó cũng là trách nhiệm lịch sử rất nặng nề và vẻ vang của cả thế hệ trẻ đối với sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa trên đất nước ta.

Chủ nghĩa xã hội khoa học góp phần quan trọng trong việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Niềm tin khoa học được hình thành trên cơ sở nhận thức khoa học, thông qua giáo dục, hoạt động thực tiễn mà niềm tin được hình thành và phát triển.

Niềm tin khoa học là sự thống nhất giữa nhận thức, tình cảm, ý chí và quyết tâm trở thành động lực tinh thần hướng con người đến hoạt động thực tiễn một cách chủ động, tự giác, sáng tạo và cách mạng.

LIÊN HỆ: Sinh viên hiện nay và CNXHKH

Thực trạng sinh viên hiện nay đối với việc học tập CNXHKH:

Cũng là một sinh viên nên em hiểu rõ hơn ai hết việc học tập môn CNXHKH không phải dễ dàng, nhưng cũng không quá khó khăn nếu thực sự quan tâm đến nó. Đa phần các bạn sinh viên hiện nay chỉ xem đây là một môn học đại cương không quan trọng, vì vậy các bạn đều học ' vẹt', học cho qua và học để trả. Trên thực tế, không chỉ sinh viên có suy nghĩ đó, mà cả những người không chỉ chuyển môn này, phần lớn họ cũng nghĩ vậy. Chính những tư tưởng đó đã dẫn đến một hệ luy là mất đi giá trị của CNXHKH. Chúng ta phải biết rằng: ' muốn xây dựng CNXH cần có những con người XHCN'. Thật vậy, các bạn sinh viên và tất cả chúng ta đều là những người thợ, góp phần xây nên CNXH sau này, nhưng chúng ta lại không hiểu gì về nó. Vậy có thất sự là CNXH sẽ được xây dựng không?

Những điều sinh viên và tất cả ta nên làm

Là một sinh viên chúng ta cần:

Học tập tốt môn CNXHKH cùng với các môn cơ bản khác như Triết học, Kinh tế chính trị và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc học tốt những môn này giúp sinh viên hiểu rõ hơn về bản chất, nguồn gốc và lịch sử của nước ta cũng như của gccn trên thế giới.

Vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin vào trong thực tiễn. Như việc hiểu được những đường lối và chính sách mà đảng ta đề ra và thực hiện tốt chính sách đó. Xem tin tức để nắm bắt kịp tình hình chính trị của đất nước.

Tuyên truyền những đều tốt đẹp mà chúng ta đã được học. Chúng ta có nhiều cách thức để tuyên truyền. Có thể chia sẽ trên mạng xã hội những tin tức và những thành tựu thời kỳ quá độ lên CNXH mà ta đã đạt được, những thành quả mà Đảng ta đã lm được như tin tức Covid-19. có thể tham gia các hoạt động của Đoàn, Đội và các hoạt động công tác xã hội khác nhằm mang những điều tích cực đến mọi người.

Tuyệt đối không bị ảnh hưởng bởi những thế lực thù địch, tuyên truyền những đều tiêu cực. Đặc biệt, không nên có những cái nhìn tiêu cực về Đảng và nhà nước ta và cũng không nên chia sẻ những điều như vậy. Nếu có những người như thế, thì với sự hiểu biết về môn CNXHKh đa được học, chúng ta hãy giải thích cho họ hiểu hơn để không có cái nhìn tiêu cực như vậy. Cũng không nên chia sẻ những thông tin sai lệch, không đúng về bất kì ai, bất kì điều gì lên mạng xã hội và mọi người xung quanh.

Vận dụng và phát triển sáng tạo CNXHKH

Thứ nhất, nắm vững nguyên lý và tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin và Hồ Chí Minh để vận dụng vào thực tiễn, vì có những luận điểm mà những nhà tư tưởng đưa ra chỉ mang tính chất dự báo, hoặc do người đọc không hiểu rõ nên vận dụng một cách máy móc và dẫn đến sai lầm.

Hai là, khi vận dụng phải nhân thức rõ hoàn cảnh của đất nước, những đặc điểm riêng của nước ta để xác định rõ những yêu cầu thực tiên cần giải quyết, đồng thời cần phải xem xét kỹ lưỡng bối cảnh quốc tế.

Ba là, tổng kết những quan điểm lịch sử của đất nước, từ đó khái quát thành bài học cách mạng cho nước ta.

Bốn là, bản thân cần phải kiên quyết đấu tranh chống những luận điệu và thủ đoạn đã kích, phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn liền với hoàn cảnh lịch sử và yêu cầu cụ thể cần giải quyết.

Bản thân cần phải kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng cơ hội, xét lại và bảo thủ, giáo điều. Cả hai loại đó điều rất nguy hiểm, nhất là khi các thế lực thù địch lòng ghép và chiến lược 'diễn biến hoà bình' trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá.

Tóm lại, là một con người XHCN, chúng ta phải có trách nhiệm xây dựng CNXH.

Câu 2: Những điều kiện khách quan qui định sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân? Qua nghiên cứu sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân liên hệ với vai trò của giai cấp công nhân hiện nay?

Điều kiện khách quan qui định sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân:

Khẳng định tính tất yếu khách quan sử mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu rõ: "...Cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của nó, đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết giai cấp tư sản sinh ra người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau".

Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân bao gồm:

Thứ nhất, do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân quy định

Giai cấp công nhân là con đẻ, là sản phẩm của nền đại công nghiệp trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Vì thế, giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến và lực lượng sản xuất hiện đại.

Nền sản xuất hiện đại với xu thế xã hội hóa cao đã tạo ra " tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết" (C.Mác) cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

Điều kiện khách quan này là nhân tố kinh tế, quy định giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giành chính quyền về tay mình, chuyển từ giai cấp "tự nó" thành giai cấp "vì nó". Giai cấp công nhân trở thành đại biểu cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử, là lực lượng duy nhất có đủ điều kiện để tổ chức và lãnh đạo xã hội, xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng vững chắc xây dựng chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội kiểu mới, không còn chế độ người áp bức, bóc lột người.

Thứ hai, do địa vị chính trị-xã hội của giai cấp công nhân quy định

Là con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp, giai cấp công nhân có được những phẩm chất của một giai cấp tiên tiếp, giai cấp cách mạng: tính tổ chức và kỷ luật, tự giác và đoàn kết trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội.

Những phẩm chất ấy của giai cấp công nhân được hình thành từ chính những điều kiện khách quan, được quy định từ địa vị kinh tế và địa vị chính trị-xã hội của

nó trong nền sản xuất hiện đại và trong xã hội hiện đại mà giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một cách khách quan, ngoài ý muốn của nó.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân sở dĩ được thực hiện bởi giai cấp công nhân, vì nó là một giai cấp cách mạng, đại biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, cho phương thức sản xuất tiên tiến thay thế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, xác lập phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa, hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa. Giai cấp công nhân là giai cấp đại biểu cho tương lai, cho xu thế đi lên của tiến trình phát triển lịch sử. Đây là đặc tính quan trọng, quyết định bản chất cách mạng của giai cấp công nhân. Hoàn toàn không phải vì nghèo khổ mà vì giai cấp công nhân dưới chủ nghĩa tư bản là hậu quả của sự bóc lột, áp bức mà giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản tạo ra đới với công nhân. Đó là trạng thái mà cách mạng sẽ xóa bỏ để giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng xã hội.

Qua nghiên cứu sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hãy liên hệ với vai trò của giai cấp công nhân hiện nay:

Giai cấp công nhân lao động Việt Nam ngày càng đa dạng về cơ cấu ngành nghề, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp. Đã hình thành ngày càng đông đảo bộ phận CN trí thức (có trình độ ĐH, CĐ trở lên) làm công tác quản lý, nghiên cứu và quản lý khoa học kỹ thuật gắn với sản xuất kinh doanh. Giai cấp công nhân Việt Nam chiếm tỷ lệ không lớn so với dân số cả nước nhưng hằng năm đóng góp trên 50% tổng sản phẩm xã hội và bảo đảm hơn 60% ngân sách nhà nước. Đó là những giá trị thực không thể phủ nhận. Những chuẩn mực về lối sống, tác phong của công nhân: lao động, bình đẳng, liên kết xã hội... cũng đang là mẫu số chung của xã hội hiện đại.

Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế; có nhiều cố gắng để phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giai cấp công nhân đã đóng góp trực tiếp to lớn vào quá trình phát triển của đất nước, cùng với các giai cấp, tầng lớp

và thành phần xã hội khác, giai cấp công nhân nước ta là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước.

Câu 3: Nội dung, đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Liên hệ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

♣ Nội dung, đặc điểm Sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân:

Giai cấp công nhân là sản phẩm của nền công nghiệp hiện đại, lực lượng đại biểu cho sự phát triển của lực lượng sản xuất tiến bộ, cho xu hướng phát triển của phương thức sản xuất tương lai; do vậy, về mặt khách quan nó là giai cấp có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột và xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Trong tác phẩm Chống Đuyring, khi nói về vai trò lịch sử của giai cấp công nhân, Ph.Ăngghen đã chỉ rõ "... phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tạo ra một lực lượng bị buộc phải hoàn thành cuộc cách mạng ấy, nếu không thì sẽ bị diệt vong "và "Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy, đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đai".

C.Mác và Ph.Angehen đã tập trung nghiên cứu làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chỉ ra con đường và những biện pháp cần thiết để giai cấp công nhân hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình. V.I.Lênin cho rằng: "Điểm chủ yếu trong học thuyết Mác là ở chỗ nó làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa".

Theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân cần phải trải qua hai bước. Bước thứ nhất "... giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị" và "Giai cấp vô sán Chiếm lạy chinh quyền nhà nước". Bước thứ hai: "... giai cấp vô sản dùng sự thống trị của mình để từng bước đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước" tiến hành tổ chức xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa. Hai bước này quan hệ chặt chẽ với nhau: giai cấp công nhân không thực hiện được bước thứ nhất thì cũng không thực hiện được bước thứ hai nhưng bước thứ hai là quan trọng nhất để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Để hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân nhất định phải tập hợp được các tầng lớp nhân dân lao động xung quanh nó, biến hành cuộc đấu tranh cách mạng xóa bỏ xã hội cũ và xây dựng xã hội mới về mọi mặt kinh tế, chính trị, và văn hóa, tư tưởng. Đó là một quá trình lịch sử hết sức lâu dài và khó khăn.

Liên hệ Việt Nam:

Trong giai đoạn hiện nay, giai cấp công nhân đã có những biến đổi mới: "Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với sự phát triển của nền công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính xã hội hóa ngày càng cao, là lực lượng sản xuất cơ bản, tiên phong, trực tiếp hoạc gián tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Ở các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; ở các nước xã hội chủ nghĩa, họ là người đã cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất và cùng nhau hợp tác lao đông vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của bản thân họ".

Tại Việt Nam, theo Hồ Chí Minh, tất cả những người không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động mà sống, bất kỳ họ lao động trong công nghệ hay là trong nông nghiệp, bất kỳ họ làm nghề gì, cũng đều thuộc giai cấp công nhân. Chủ chốt của giai cấp ấy, là những công nhân tại các xí nghiệp như nhà máy, hầm mỏ, xe lửa v.v. Những công nhân thủ công nghệ, những người làm thuê ở các cửa hàng, những cố nông v.v. cũng thuộc giai cấp công nhân. Nhưng chỉ công nhân công nghệ là hoàn toàn đại biểu cho đặc tính của giai cấp công nhân.

Cũng theo Hồ Chí Minh, đặc tính cách mạng của giai cấp công nhân là: kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, kỷ luật. Công nhân là giai cấp tiền tiến nhất trong sức sản xuất, có trách nhiệm đánh đổ chế độ tư bản và đế quốc, xây dựng một xã hội mới. Vì những lẽ đó, giai cấp công nhân có thể lĩnh hội và thấm nhuần một tư tưởng cách mạng nhất: chủ nghĩa Marx Lennin. Đồng thời, tinh thần đấu tranh của họ ảnh hưởng và làm gương cho các tầng lớp khác. Do đó, về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động, giai cấp công nhân đều giữ vai trò lãnh đạo.

Từ khi Đại Hội Đảng toàn quốc lần thứ X năm 2006 cho phép Đảng viên làm kinh tế tư nhân và Đại Hội Đảng toàn quốc lần thứ XI năm 2011 thí điểm kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng, thì chủ nhân của giai cấp công nhân ngày nay có thể cũng là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, mà theo điều 4 Hiến Pháp 1992,

là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của họ.

Câu 4: Đặc điểm giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ mới.

+ Đặc điểm giai cấp công nhân Việt Nam:

Ngoài những đặc điểm chung của giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng:

- +Giai cấp công nhân VN tuy ra đời muộn và chiếm 1 tỷ lệ ít trong thành phần dân cư, nhưng do kế thừa được truyền thống đấu tranh anh dũng kiên cười của dân tộc mà giai cấp công nhân nước ta luôn tỏ rõ là một giai cấp kiên cường, bất khuất.
- + Giai cấp công nhân VN ra đời trong nỗi nhục mất nước cộng với nỗi khổ vì ách áp bức bóc lột của giai cấp T sản để quốc làm cho lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc kết hợp làm 1, khiến động cơ cách mạng, nghị lực cách mạng và tính triệt để của CM của giai cấp công nhân được nhân lên gấp bội.
- + Giai cấp công nhân VN ra đời trước giai cấp tư sản VN, lại có Đảng lãnh đạo nên luôn giữ được sự đoàn kết thống nhất và giữ vững vai trò lãnh đạo của mình
- + Giai cấp công nhân VN đa số xuất thân từ nông dân, có mối liên hệ máu thịt với nông dân. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi để thực hiện sự liên minh giai cấp, trước hết là đối với giai cấp nông dân. Ngày nay, trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, sẽ có nhiều người nông dân làm việc ở các cơ sở công nghiệp và trở thành công nhân ở chính ngay quê hương mình...

Tuy nhiên số lượng công nhân nước ta còn ít, trình độ văn hóa, tay nghề, khoa học kỹ thuật còn thấp, cách thức làm việc có nơi, có chỗ còn tỏ ra tùy tiện, manh mún. Do vậy để đảm đương được sứ mệnh lịch sử của mình, một trong những điều kiện quan trọng là giai cấp công nhân VN phải liên minh được với giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp nhân dân khác.

+ Giải pháp xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ mới:

Một là: Cần định hướng lại mục tiêu của giáo dục cho sát với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực thích

ứng với mục tiêu phát triển cụ thể của từng giai đoạn. Thực hiện nhất quán chủ trương xã hội hóa giáo dục, trong đó Nhà nước và các tổ chức xã hội có nhiệm vụ đào tạo cơ bản ban đầu, các doanh nghiệp trực tiếp sử dụng công nhân phải có trách nhiệm đào tạo nâng cao tay nghề, cập nhật kiến thức chuyên môn, tiêu chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp trong mỗi doanh nghiệp.

Quan tâm đến đội ngũ giai cấp công nhân hiện nay là phải quan tâm đến trình độ văn hóa, năng lực chuyên môn, phẩm chất nghề nghiệp và ý thức chính trị của họ. Xây dựng giai cấp công nhân phải thể hiện trước hết ở việc tổ chức đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn. Cần xem việc đào tạo nghề nghiệp, nâng cao trình độ chuyên môn là một trong những chỉ tiêu pháp lệnh như mọi chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội khác. Một thế hệ công nhân mới giỏi về chuyên môn, vững vàng về ý thức chính trị, tự họ sẽ vươn lên làm chủ và đủ sức đối đầu với mọi thách thức. Nâng tầm trí tuệ, năng lực chuyên môn và ý thức chính trị cho đội ngũ giai cấp công nhân, chính là nhân tố góp phần bảo đảm sự ổn định chính trị, củng cố vững chắc cơ sở chính trị – xã hội của Đảng trong thời kỳ mới.

Hai là: Phải xem công tác xây dựng Đảng, củng cố các đoàn thể quần chúng là nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn đối với phong trào công nhân hiện nay. Để làm được điều này chúng ta phải thẳng thắn trả lời một câu hỏi lớn. Vì sao Đảng của giai cấp công nhân, Công đoàn của công nhân, Đoàn Thanh niên là tổ chức chính trị của tuổi trẻ công nhân, nhưng một bộ phân công nhân chưa thiết tha vào Đảng vào Đoàn, chưa hoàn toàn xem công đoàn là tổ chức của ho. Thực tế cho thấy công tác xây dựng Đảng và tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên chưa theo kịp yêu cầu phát triển của sư nghiệp đổi mới. Một mặt do áp lực của những điều kiên khách quan, mặt khác bản thân các tổ chức đảng, công đoàn cũng bộc lộ những bất cập yếu kém, tự thân không theo kịp yêu cầu của sự phát triển, nhưng không có những chấn chỉnh kịp thời. Đã đến lúc không chỉ dừng lại ở những chỉ thị nghị quyết mà nên có những văn bản pháp luật thể chế rõ chỉ thị nghị quyết thành những quy định cụ thể. Đảng ta là Đảng cầm quyền, hoạt động của các tổ chức đảng, công đoàn, đoàn thanh niên phải được hình thành trong từng doanh nghiệp bất kỳ thuộc thành phần kinh tế nào. Tuy nhiên hoạt động của các tổ chức trên đây phải góp phần làm cho doanh nghiệp phát triển, sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao. Đời sống vật chất, tinh thần và các quyền lợi khác của người công nhân phải được bảo đảm tốt hơn. Các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước phải được thực thi và chấp hành nghiêm túc.

Ba là: Phải thực sự chăm lo đến đời sống vật chất tinh thần của công nhân. Ký các hợp đồng lao động với công nhân phải được xem là tiêu chuẩn bắt buộc đối với các chủ doanh nghiệp. Ngoài hợp đồng lao động cần chú trọng thanh kiểm tra điều kiên làm việc và cường đô lao đông, không để và không cho phép chủ lao đông ép công nhân làm việc vươt quá mức về cường đô, thời gian làm việc. Vấn đề này cần phải sớm được pháp luật quy định cu thể. Quan tâm thích đáng đến đời sống tinh thần, hình thành những tiêu chí có tính pháp quy về ăn ở, nơi vui chơi giải trí, các tiện ích văn hóa công, chế độ nghỉ dưỡng, thưởng thức các chương trình văn hóa nghệ thuật ở trong từng doanh nghiệp, ở mỗi cụm dân cư và các khu công nghiệp tập trung. Khuyến khích động viên và khen thưởng, cổ vũ mạnh mẽ các doanh nghiệp làm tốt, phê bình và xử lý thích đáng các đơn vị cố tình không làm tốt, hoặc làm có tính chất đối phó, chiếu lê... Sư thiếu thốn và nghèo nàn về đời sống văn hóa tinh thần sẽ làm cho đai bô phân lao đông trẻ sống và làm việc trong môi trường không có cảm hứng sáng tao, tính tích cực xã hội không có điều kiên phát huy, lao động chắc chắn sẽ không đem lai hiệu quả mong muốn, thiết thời trước hết cho chính các doanh nghiệp.

Câu 5: Tính tất yếu và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội? Tại sao Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa?

♣ Tính tất yếu và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được lý giải từ các căn cứ sau đây:

Một là, bất kỳ quá trình chuyển biến từ một xã hội này lên một xã hội khác đều nhất định phải trải qua một hời kỳ gọi là thời kỳ quá độ. Đó là thời kỹ còn có sự đan xen lẫn nhau giữa các yếu tố mới và cũ trong cuộc đấu tranh với nhau. Có thể nói đây là thời kỳ của cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa cái cũ và cái mới mà nói chung theo tính tất yếu phát triển lịch sử thì cái mới thường chiến thắng cái cũ, cái lạc hậu. Từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội không là ngoại lệ lịch sử. Hơn nữa, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là một bước nhảy lớn và căn bản về chất so với các quá trình thay thế từ xã hội cũ lên xã hội mới đã từng diễn ra trong lịch sử thì thời kỳ quá độ lại càng là một tất yếu, thậm chí có thể kéo dài. Nhất là đối với những nước còn ở trình độ tiền tư bản thực hiện thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thì "những cơn đau để" này còn có thể rất dài với nhiều bước quanh co.

Hai là, sự ra đời của một xã hội mới bao giờ cũng có những sự kế thừa nhất định từ những nhân tố do xã hội cũ tạo ra. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội là sự kế thừa đối với chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là trên phương diện kế thừa cơ sở vật chất kỹ thuật đã được tạo ra bởi sự phát triển của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội mặc dù cũng là nền sản xuất đại công nghiệp nhưng đó là nền sản xuất đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa chứ không phải là nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Do đó nó cũng cần phải có thời kỳ quá độ của bước cải tạo, kế thừa và tái cấu trúc nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa.

Đối với những nước chưa từng trải qua quá trình công nghiệp hóa tiến lên chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ cho việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội càng có thể kéo dài với nhiệm vụ trọng tâm của nó là tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đó là một nhiệm vụ vô cùng to lớn và đầy khó khăn, không thể "đốt cháy giai đoạn" được.

Ba là, các quan hệ xã hội của chủ nghĩa xã hội không tự phát nảy sinh trong lòng chủ nghĩa tư bản, chúng là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, dù đã ở trình độ cao cũng chỉ có thể tạo ra những điều kiện, tiền đề cho sự hình thành các quan hệ xã hội mới xã hội chủ nghĩa, đo vậy cũng cần phải có thời gian nhất định để xây dựng và phát triển những quan hệ đó.

Bốn là, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp. Với tư cách là người chủ của xã hội mới, giai cấp công nhân và nhân dân lao động không thể ngay lập tức có thể đảm đương được công việc ấy, nó cần phải có thời gian nhất dịnh.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở các nước có trình độ phát triển kinh tế - xã hội khác nhau có thể diễn ra khoảng thời gian dài, ngắn khác nhau. Đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển ở trình độ cao khi tiến lên chủ nghĩa xã hội thì thời kỳ quá độ có thể tương đối ngắn. Những nước đã trải qua giai đoạn phát triển chĩ nghĩa tư bản ở trình độ trung bình, đặc biệt là những nước còn ở trình độ phát triển tiền tư bản, có nền kinh tế lạc hậu thì thời kỳ quá độ thường kéo dài với rất nhiều khó khăn, phức tạp.

Những đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

Đặc điểm nổi bật của thời kỳ quá dộ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là sự tồn tại những yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những nhân tố mới của chủ nghĩa xã

hội trong mối quan hệ vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

+ Trên lĩnh vực kinh tế:

Thời kỳ quá độ là thời kỳ tất yếu còn tồn tại một nền kinh tế nhiều thành phần trong một hệ thống kinh tế quốc dân thông nhất. Đây là bước quá độ trung gian tất yếu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, không thể dùng ý chí để xóa bỏ ngay kết cấu nhiều thành phần của nền kinh tế, nhất là đối với những nước còn ở trình độ chưa trải qua sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được xác lập trên cơ sở khách quan của sự tồn tại nhiều loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất với những hình thức tổ chức kinh tế đa dạng, đan xen hỗn hợp và tương ứng với nó là những hình thức phân phối khác nhau, trong đó hình thức phân phối theo lao động tất yếu ngày càng giữ vai trò là hình thức phân phối chủ đạo.

+ Trên lĩnh vực chính trị:

Do kết cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đa dạng, phức tạp, nên kết cấu giai cấp của xã hội trong thời kỳ này cũng đa dạng phức tạp. Nói chung, thời kỳ này thường bao gồm: giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức, những người sản xuất nhỏ, tầng lớp tư sản và một số tầng lớp xã hội khác tuỳ theo từng điều kiện cụ thể của mỗi nước. Các giai cấp, tầng lớp này vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau.

+ Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá:

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều yếu tố tư tưởng và văn hoá khác nhau. Bên cạnh tư tưởng xã hội chủ nghĩa còn tồn tại tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, tâm lý tiểu nông, V.V... Theo V.I. Lênin, tính tự phát tiểu tư sản là "kẻ thù giấu mặt hết sức nguy hiểm, nguy hiểm hơn so với nhiều bọn phản cách mạng công khai". Trên lĩnh vực văn hoá cũng tồn tại các yếu tố văn hoá cũ và mới, chúng thường xuyên đấu tranh với nhau.

Thực chất của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp tư sản đã bị đánh bại không còn là giai cấp thống trị và những thế lực chống phá chủ nghĩa xã hội với giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động. Cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra trong điều kiện mới là giai cấp công nhân đã nắm được chính quyền nhà nước, quản lý tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Cuộc đấu tranh giai cấp với những nội dung, hình thức mới,

diễn ra trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng - văn hóa, bằng tuyên truyền vận động là chủ yếu, bằng hành chính và luật pháp.

4 Tại sao Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa?

Thứ nhất, trong lịch sử xã hội loài người giữa hình thái kinh tế - xã hội (HTKTXH) cũ và HTKTXH mới sẽ thay thế nó bao giờ cũng có một thời kỳ quá độ (TKQĐ). Lịch sử phát triển của xã hội loài người là lịch sử phát triển và thay thế nhau của các HTKTXH. Song, không phải HTKTXH này kết thúc hoàn toàn rồi HTKTXH tiếp sau mới ra đời. Giữa HTKTXH cũ bị thay thế và HTKTXH mới sẽ thay thế nó bao giờ cũng có một giai đoạn chuyển tiếp, một TKQĐ. Xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa với giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội, một chế độ xã hội mới hoàn toàn về chất so với các chế độ xã hội trước đó lại càng đòi hỏi phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài, đầy khó khăn, thử thách, khó tránh khỏi những va vấp, đổ vỡ tạm thời. Trong "Phê phán Cương lĩnh Gô-ta", các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã chỉ rõ "Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá đô chính tri..."

Thứ hai, học thuyết Mác - Lê-nin chứng minh rằng, loài người với tính cách một chỉnh thể nhất thiết phải trải qua 5 HTKTXH. Nhưng, do đặc điểm lịch sử - cụ thể về không gian và thời gian, do những điều kiện đặc thù khách quan và chủ quan, bên ngoài và bên trong chi phối, không phải quốc gia nào cũng tuần tự trải qua tất cả các HTKTXH từ thấp đến cao theo một trình tư sơ đồ chung. Mà có những nước có thể bỏ qua một hoặc vài HTKTXH nào đó trong tiến trình phát triển của mình. Sự bỏ qua này đã và đang diễn ra trong lịch sử. Từ thực tiễn lịch sử xã hội loài người có thể rút ra ba nhận xét: một là, khi vạch ra một sơ đồ tiến hóa xã hội từ HTKTXH thấp lên HTKTXH cao hơn là chúng ta đã trật tự hóa theo thời gian các trình độ phát triển của các nền văn minh nhân loại nằm rải rác trong không gian. Hai là, khi một HTKTXH đi đến chỗ kết thúc, thì xã hôi có thể tiến lên một trong nhiều HTKTXH cao hơn, chứ không nhất thiết chỉ tiến lên một HTKTXH cao hơn. Ba là, nhân xét có tính chất khái quát: loài người nói chung thì nhất định phải trải qua cả năm HTKTXH, nhưng từng nước cụ thể thì không nhất thiết phải tuần tự trải qua cả năm HTKTXH, mà có thể bỏ qua một hoặc vài HTKTXH, đi tắt để tiến lên HTKTXH cao hơn, tùy thuộc điều kiện lịch sử - cụ thể đặc thù của từng nước. Điều đó hoàn toàn phù hợp quy luật khách quan. Lê-nin viết "... tính quy luật chung của sự phát triển trong lịch sử toàn thế giới đã không loại trừ, mà trái lại, còn bao hàm một số

giai đoạn phát triển mang những đặc điểm hoặc về hình thức, hoặc về trình tự của sự phát triển đó".

Thứ ba, cũng như lịch sử xã hội loài người nói chung, trong thời đại ngày nay, việc bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN quá độ lên CNXH ở Việt Nam là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khách quan của nền kinh tế. Điều đó được quy định bởi:

Một là, trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể hiện nay nước ta có những điều kiện khách quan bên ngoài và bên trong để quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN. Điều kiện bên ngoài là sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ làm cho lực lượng sản xuất thế giới phát triển đã đạt đến trình độ cao, đã mở đầu giai đoan mới của quá trình xã hôi hóa sản xuất, tao ra cuộc cách mang trong lĩnh vực kinh tế, tạo điều kiên hiện thực để nước tạ có thể tranh thủ vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý của thế giới cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nếu chúng ta thực hiện hiệu quả phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế. Trong điều kiện kinh tế thế giới có bước nhảy vọt về cơ sở vật chất - kỹ thuật, xã hội loài người đòi hỏi phát triển lên một xã hội mới của nền văn minh cao hơn - đó là nền văn minh của kinh tế tri thức. Do đó, quá độ lên CNXH là con đường phát triển hợp quy luật khách quan. Sau CNTB nhất định phải là một chế độ xã hội tốt đẹp hơn - chế độ XHCN. Bối cảnh, điều kiện quốc tế mới nêu trên đã tạo khả năng để Việt Nam chúng ta thực hiện quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN. Điều kiện bên trong là nước ta đã giành được độc lập dân tộc, có chính quyền của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Với những thắng lợi đã giành được trong hơn 80 năm qua, đặc biệt là những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của 25 năm đổi mới, đất nước ta đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy manh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế quốc tế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Đây là điều kiện tiên quyết, quyết định con đường quá độ lên CNXH ở nước ta.

Thời kỳ quá độ là thời kỳ mà trình độ phát triển kinh tế - xã hội chưa vượt hoàn toàn khỏi tiến trình phát triển của CNTB, tiến trình đó phải được tiếp tục đẩy mạnh dưới chính quyền của nhân dân, mà hình thức thích hợp nhất là CNTB nhà nước và kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước XHCN theo định hướng XHCN. Đó cũng là tư tưởng cốt lõi của Chính sách kinh tế mới (NEP) trong TKQĐ lên CNXH do Lê-nin vạch ra.

Hai là, thực hiện quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN dựa trên cơ sở củng cố chính quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; dựa vào khối liên minh công - nông - trí thức để tổ chức và huy đông moi tiềm lực của các tầng lớp nhân dân, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đai hóa đất nước, phát triển nền kinh tế thi trường định hướng XHCN, tạo lập cơ sở vật chất - kỹ thuật cho CNXH. Con đường này hoàn toàn mới mẻ và không ít khó khăn, nhưng giảm bớt được đau khổ cho nhân dân lao động. "Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lơi ích cá nhân, tâp thể và xã hôi, phát huy moi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội...". Những thành tựu đã đạt được qua 25 năm đổi mới đã chứng tỏ: chọn con đường thứ hai này là đúng hướng, phù hợp với lợi ích của cả dân tộc và hoàn cảnh lịch sử - cụ thể của nước ta, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Bởi lẽ, chỉ có CNXH mới giải phóng được nhân dân lao động khỏi mọi áp bức, bất công, mới đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Toàn bộ lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh: quy luật của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Chỉ có đi lên CNXH mới giữ được độc lập, tư do cho dân tộc, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản. Chỉ có CNXH mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Và trong thực tiễn, CNXH không những đã trở thành động lực tinh thần, mà còn là sức mạnh vật chất to lớn góp phần đưa sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta đến thắng lợi. Quá trình cách mạng do Đảng ta lãnh đạo đã tạo những tiền đề cả vật chất và tinh thần để có thể "rút ngắn" tiến trình phát triển lịch sử - tự nhiên của xã hội. Vì thế, trong sự lựa chọn con đường đi lên cho mình, dân tộc ta đã chọn con đường quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN. Đó là con đường phù hợp cả về lý luận và thực tiễn, cả về đặc điểm lịch sử - cụ thể trong nước và hoàn cảnh quốc tế.

Nói "nước ta quá độ lên CNXH, bỏ qua chế độ TBCN" chỉ có nghĩa là trong lịch sử nước ta không có một giai đoạn, trong đó giai cấp tư sản nắm chính quyền và quan hệ sản xuất TBCN giữ địa vị thống trị trong nền kinh tế quốc dân. "Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN, tức là bỏ qua việc xác lập vị thế thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng TBCN, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại". Con đường đi lên CNXH ở nước ta, gọi là TKQĐ với ý nghĩa là đất nước ta phải trải qua một trạng thái xã hội mang tính trung gian,

chuyển tiếp giữa HTKTXH cũ và HTKTXH mới, trong đó nền kinh tế là nền kinh tế quá độ gồm nhiều thành phần kinh tế. TKQĐ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN thực chất là Nhà nước ta tư đảm nhân nhiệm vụ lịch sử phát triển sức sản xuất của xã hôi, tư tao lập những điều kiên vật chất của sản xuất và những quan hê xã hôi tương ứng với điều kiên vật chất ấy, làm cơ sở hiện thực cho CNXH. Nghĩa là, dù nước ta không qua giai đoạn phát triển TBCN với tư cách là một HTKTXH thống trị, nhưng, về phương diện kinh tế phải tôn trọng quá trình phát triển tự nhiên của nền kinh tế, không thể bỏ qua việc phát triển sức sản xuất xã hội, xã hội hóa sản xuất trong thực tế. Song, những thành tưu của cuộc cách mang khoa học - công nghê hiện đại, sư hợp tác kinh tế quốc tế đa phương, đa dang cho phép chúng ta tân dung đại công nghiệp của cả thế giới để có thể "rút ngắn" quá trình phát triển kinh tế đất nước. Sự phát triển "rút ngắn" chỉ có nghĩa là đẩy nhanh tương đối quá trình phát triển lịch sử tự nhiên, bằng những khâu trung gian, những hình thức, bước đi quá độ - được coi là cực kỳ cần thiết và có tác dụng sắc bén đối với những nước mà sản xuất nhỏ là phổ biến đi lên CNXH. Hình thức kinh tế trung gian, quá độ điển hình - đó là CNTB nhà nước. Đồng thời, phải tôn trong và vân dung sáng tao những tính quy luật của quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN.

Thứ tư, lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ thực dân của nước ta chứng minh rằng, quá đô lên CNXH là con đường duy nhất để nước ta thoát khỏi ách đô hô của thực dân để quốc, để thực hiện thành công cách mang giải phóng dân tộc. Trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, các phong trào yêu nước chống Pháp diễn ra sôi nổi, không ngừng khắp Bắc, Trung, Nam. Các phong ấy thấm đượm tinh thần yêu nước, bất khuất, song đều lâm vào bế tắc và cuối cùng thất bai. Đó là sư bế tắc và thất bại về đường lối chiến lược. Và như vậy, tất cả các phương án chính trị của các giai cấp, từ đường lối cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến, đến những đường lối theo lập trường nông dân, lập trường tiểu tư sản, lập trường tư sản, đều đã áp dụng và trải qua khảo nghiệm của lịch sử, rốt cuộc đều thất bại. Trong bối cảnh sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân đế quốc ở Việt Nam bị bế tắc về đường lối chiến lược, thì chính Nguyễn Ái Quốc đã đáp ứng trúng nhu cầu lịch sử dân tộc, đưa đất nước đi vào đúng quỹ đạo thời đại mới. Nguyễn Ái Quốc khẳng định: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản", "chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ". Người lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - đường lối đã đưa sự nghiệp Cách mạng Việt Nam không ngừng phát triển đi lên, không thế lực nào ngăn cản nổi.

Như vậy, cả từ phương diện lý luận, cả từ phương diện thực tiễn vận động của lịch sử nhân loại suốt thế kỷ XX, thập niên đầu thế kỷ XXI và đặc biệt từ thực tiễn lịch sử đấu tranh giải phóng, xây dựng đất nước ở Việt Nam, việc nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là một tất yếu khách quan, là hoàn toàn phù hợp với xu thế của thời đại, với đặc điểm lịch sử - cụ thể của cách mạng Việt Nam, đáp ứng đúng khát vọng của nhân dân ta.

Câu 6: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm thực hiện sự chuyển biến từ xã hội cũ sang xã hôi mới – xã hôi chủ nghĩa.

Giai cấp công nhân và chính đảng của nó muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ ưu việt, tốt đẹp hơn chủ nghĩa tư bản thì tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bởi vì:

- Chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội không thể ra đời tự phát trong lòng chế độ tư bản chủ nghĩa hay các xã hội tiền tư bản chủ nghĩa. Các xã hội trước chỉ chuẩn bị những điều kiện vật chất để giai cấp công nhân thực hiện bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, còn bản thân công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ được thực hiện khi có cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa tương ứng.
- Sau khi giành được chính quyền, giai cấp công nhân cũng không thể đem áp dụng ngay tức khắc những nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, những nguyên tắc xây dựng và bản chất của chủ nghĩa xã hội khác với các xã hội trước; giai cấp thống trị cũ mới bị đánh bại về chính trị nhưng chưa bị tiêu diệt hoàn toàn; những tàn dư của xã hội cũ còn in vết trong xã hội mới. Do đó cần có thời gian để tiến hành cải tạo những tàn dư của xã hội cũ, từng bước xây dựng các nhân tố mới.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có hai kiểu: quá độ trực tiếp và quá độ gián tiếp.

- Quá độ trực tiếp từ các nước tư bản chủ nghĩa phát triển lên chủ nghĩa xã hội.
- Quá độ gián tiếp từ các nước tiền tư bản chủ nghĩa hay các nước tư bản trung bình lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 7: quan điểm của Đảng Cộng sản VN về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở VN?

Ngay từ khi ra đời (2-1930), Đảng ta đã xác định rõ ràng và dứt khoát con đường phát triển của cách mạng Việt Nam, là con đường XHCN. Cương lĩnh chính trị đầu tiên được hội nghị thành lập Đảng (2-1930) thông qua đã nêu rõ mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là: "Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập", "để đi tới xã hội cộng sản". Luận cương chính trị tháng 10-1930 nhấn mạnh con đường phát triển của cách mang Việt Nam "bỏ qua thời kỳ tư bổn mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa. Đây là sự lựa chọn dứt khoát và đúng đắn của Đảng, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của dân tộc, nhân dân, phản ánh xu thế phát triển của thời đai, phù hợp với quan điểm khoa học, cách mang và sáng tạo của chủ nghĩa Mác-Lênin. Quá đô lên chủ nghĩa xã hôi bỏ qua chế đô tư bản chủ nghĩa, như Đai họi của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tưu mà nhân loại đã đạt được dưới chế đô tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghiệp, để phát triển nhanh lực lương sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Đây là tư tưởng mới, phản ánh nhân thức mới, tư duy mới của Đảng ta về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Tư tưởng này cần được hiểu đầy đủ với những nội dung sau đây:

Thứ nhất, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ quan chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường cách mạng tất yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ hai, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.

Thứ ba, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư

bản, đặc biệt là những thành tựu về khoa học và công nghiệp, thành tựu về quản lý để phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội, đặc biệt là xây dựng nền kinh tế hiện đại, phát triển nhanh lực lượng sản xuất.

Thứ tư, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao và khát vọng lớn của toàn Đảng, toàn dân.

Kế thừa những quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng không ngừng và thời kỳ quá độ lên CNXH; xuất phát từ đặc điểm, điều kiện của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định: Thời kỳ quá độ "là thời kỳ dân chủ mới", *tiến dần lên CNXH*. Ở Việt Nam là hình thái quá độ gián tiếp với: "Đặc điểm to nhất là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên CNXH không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa". Đặc điểm này chi phối tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nhằm từng bước xóa bỏ triệt để các tàn tích của chế độ thực dân, phong kiến, đồng thời từng bước gây dựng các mầm mống cho CNXH phát triển, đó là một tất yếu.

Theo đó, quá độ lên CNXH là một cuộc đấu tranh cách mạng phức tạp, gian khổ và lâu dài chứ "không thể một sớm một chiều". Bởi vì, "chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ hàng ngàn năm... biến nước ta từ một nước nông nghiệp thành một nước công nghiệp". Tuy nhiên, muốn "tiến lên chủ nghĩa xã hội" thì không phải "cứ ngồi mà chờ" là sẽ có được chủ nghĩa xã hội. Nếu nhân dân ta mọi người cố gắng, phần khởi thi đua xây dựng, thì thời kỳ quá độ có thể rút ngắn hơn.

Về nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên CNXH. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Phải tạo ra những điều kiện cần và đủ về cơ sở vật chất; đồng thời, Đảng phải "lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, xây dựng điều kiện để tiến lên chủ nghĩa xã hội". Trong đó, "nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội,... tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài".

Hồ Chí Minh đã chỉ rõ nội dung nhiệm vụ cụ thể trong thời kỳ quá độ lên CNXH rất toàn diện. *Trên lĩnh vực kinh tế*, phát triển lực lượng sản xuất là vấn đề mấu chốt, tăng năng suất lao động trên cơ sở công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, cùng với thiết lập quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế, ngành, vùng, lãnh thổ trong thời kỳ quá độ. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng quan hệ phân phối và quản lý kinh tế. Theo Người, quản lý kinh tế phải dựa trên cơ sở hạch toán, đem lại hiệu quả cao, sử dụng tốt các đòn bẩy để phát triển sản xuất.

Trên lĩnh vực chính trị, nội dung quan trọng nhất là phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng; quan tâm củng cố mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, nòng cốt là liên minh công nhân - nông dân - trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm không ngừng tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc vì sự nghiệp xây dựng CNXH.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, xây dựng nền văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng và mấu chốt của văn hóa là xây dựng con người có đạo đức cách mạng, con người mới xã hội chủ nghĩa với đức - tài gắn bó hữu cơ với nhau, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, trung thành với sự nghiệp cách mạng xây dựng nền văn hóa mới, lối sống mới. Về xã hội, thực hiện sự phân phối theo lao động, thi hành chính sách xã hội vì toàn dân, bình đẳng.

Mấu chốt của vấn đề xã hội là đảm bảo công bằng xã hội hướng vào phát triển con người, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài, vừa là mục tiêu, vừa là động của sự phát triển xã hội.

Về bước đi, biện pháp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Hồ Chí Minh đã xác định bước đi, cách làm phù hợp, Người khẳng định: Chúng ta cũng phải có phương pháp xây dựng CNXH của riêng mình, gắn với thực tiễn và lịch sử của Việt Nam. Bước đi trong xây dựng XHCN ở nước ta là "phải làm dần dần", ai nói dễ là chủ quan và sẽ thất bại, phải thực hiện "đi bước nào vững chắc bước ấy".

Hồ Chí Minh còn chỉ ra những biện pháp hết sức quan trọng để xây dựng CNXH, đó là: Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính; kết hợp thực hiện hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ, đồng thời tiến hành hai chiến lược cách mạng; xây dựng CNXH phải có kế hoạch, biện pháp và quyết tâm. Đặc biệt, Người xác định biện pháp cơ bản, lâu dài quyết định nhất trong xây dựng CNXH ở nước ta là phát huy sức mạnh toàn dân, đem của dân, tài dân, sức dân dưới sự lãnh đạo của Đảng để làm lợi cho dân.

Câu 8: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Quan niệm của CN Mác – Lenin về dân chủ thể hiện ở những quan điểm sau:

- + CN Mác Lenin kế thừa những nhân tố hợp lý, những hoạt động thực tiễn và nhận thức của nhân loại về dân chủ. Đặc biệt tán thành quan điểm: Dân chủ là một nhu cầu khác quan của nhân dân lao động, dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân.
- + Khi XH có giai cấp và nhà nước tức là một chế độ dân chủ thể hiện chủ yếu qua nhà nước thì khi đó không có dân chủ chung chung, phi giai cấp, siêu giai cấp, " dân chủ thuần túy". Trái lại, mỗi chế độ dân chủ gắn liền với nhà nước đều mang bản chất giai cấp thống trị XH. Nên dân chủ trong XH có giai cấp nó mang tính giai cấp, gắn liền với các giai cấp đã thiết lập nên nền dân chủ đó, như: Dân chủ nô lệ, dân chủ TS, dân chủ VS (dân chủ XHCN). Do đó, từ khi có chế độ dân chủ thì dân chủ luôn luôn tồn tại với tư cách một phạm trù lịch sử, phạm trù chính trị.
- +Từ khi có nhà nước dân chủ, thì dân chủ còn với ý nghĩa là một hình thức nhà nước, trong đó chế độ bầu cử, bãi miễn các thành viên của nhà nước, có quản lý XH theo pháp luật nhà nước và thừa nhận ở nước đó "quyền lực thuộc về nhân dân" (còn dân là ai thì do giai cấp thống trị quy định) gắn liền với một hệ thống chuyên chính của giai cấp thống trị xã hội.
- + Với một chế độ dân chủ và nhà nước tương ứng đều do một giai cấp thống trị cầm quyền chi phối tất cả các lĩnh vực của toàn XH, do vậy, tính giai cấp thống trị cũng gắn liền và chi phối tính dân tộc, tính chính trị, kinh tế, văn hóa, XH...ở mỗi quốc gia, dân tộc cụ thể.

2.Bản chất của dân chủ XHCN

- CN Mác – Lenin cho rằng, chuyên chính VS và dân chủ XHCN về căn bản thống nhất. Từ đại hội đại biểu toàn quốc thứ VII, đảng ta thống nhất gọi chuyên chính VS là nền dân chủ XHCN (vẫn thực hiện nội dung cơ bản của chuyên chính VS vì đảng ta quan niệm: "Chuyên chính VS là quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được thực hiện bằng nhà nước dưới sự lãnh đạo của đảng")

Bản chất của dân chủ XHCN được thể hiện ở những điểm sau:

- Bản chất chính trị

CN Mác – Lenin chỉ rõ: Bản chất chính trị của nền dân chủ XHCN là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn XH, nhưng

không phải chỉ để thực hiện quyền lực và lợi ích riêng cho giai cấp công nhân mà chủ yếu là để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân, trong đó có giai cấp công nhân. HCM đã chỉ rõ: Trong chế độ XHCN thì bao nhiều quyền lực đều là của dân, bao nhiều sức mạnh đều ở nơi dân, bao nhiều lợi ích đều vì dân...chế độ dân chủ XHCN, nhà nước XHCN...do đó, về thực chất là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Lenin còn nhấn mạnh rằng: Dân chủ XHCN là chế độ mà nhân dân ngày càng tham gia nhiều vào công việc nhà nước. Do vậy, dân chủ XHCN vừa mang bản chất giai cấp công nhân, vừa mang tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

- Bản chất kinh tế

Dân chủ XHCN có cơ sở kinh tế là QHSX XHCN đảm bảo, dựa trên chế độ công hữu về những TLSX chủ yếu, đáp ứng phát triển ngày càng cao của LLSX trên cơ sở khoa học, công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.

Bản chất kinh tế của nền dân chủ XHCN dù khác về bản chất kinh tế của các chế độ tư hữu, áp bức, bóc lột nhưng cũng như toàn bộ nền kinh tế XHCN nó cũng là sự kế thừa và phát triển mọi thành tựu nhân loại đã tạo ra trong lịch sử, đồng thời loại bỏ những nhân tố lạc hậu, tiêu cực, kìm hãm của các chế độ kinh tế trước đó, nhất là bản chất tư hữu, áp bức, bóc lột...

Thực hiện dân chủ trong kinh tế là tiền đề, cơ sở để thực hiện dân chủ về chính trị và văn hóa – tư tưởng. Thực hiện dân chủ trên lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa cơ bản.

- Bản chất tư tưởng – văn hóa

Nền dân chủ XHCN lấy CN Mác – Lenin làm nền tảng tư tưởng, đồng thời kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hóa, tư tưởng của nhân loại. Do đó, đời sống tư tưởng – văn hóa của nền dân chủ XHCN rất phong phú, đa dạng, toàn diện và ngày càng trở thành một nhân tố hàng đầu, thành mục tiêu và động lực cho quá trình xây dựng CNXH. Bởi nó phát huy cao độ tính tự giác và sức sáng tạo to lớn của con người trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Câu 9: quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về việc xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở VN?

quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về việc xây dựng và hoàn thiện và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở VN

Đảng ta đã khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước từ năm 1986. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng ta là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trong đó, việc vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin, chỉ ra được những đặc trưng riêng có của nhà nước pháp quyền ở nước ta là điều rất cần thiết không chỉ về mặt lý luận nhận thức mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền trên thực tế.

Năm 1994, thuật ngữ "Nhà nước pháp quyền" chính thức được sử dụng trong văn kiện của Đảng. Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII (1994) lần đầu tiên Đảng ta chính thức sử dụng thuật ngữ "Nhà nước pháp quyền" và nêu khá cụ thể, toàn diện những quan điểm, nguyên tắc, nội dung xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam. Trong Văn kiện hội nghị đã nêu nhiệm vụ: "Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân" với nội dung như sau: "Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là, những quan điểm cơ bản về các nội dung chủ yếu của phạm trù Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân đã được xác lập, đặt cơ sở lý luận cho việc triển khai các quan điểm, giải pháp tiếp tục đổi mới, hoàn thiện bộ máy nhà nước trong những giai đoạn phát triển tiếp theo.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về "Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh", Đảng ta đã phát triển hệ thống quan điểm, nguyên tắc cơ bản về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân. Mặt khác, khi phân tích nguyên nhân yếu kém trong xây dựng Nhà nước, Nghị quyết chỉ rõ: "Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong điều kiện chuyển đổi nền kinh tế là nhiệm vụ mới mẻ, hiểu biết của chúng ta còn ít, có nhiều việc phải làm, vừa tìm tòi, rút kinh nghiệm"

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001), Đảng ta tiếp tục chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN và xác định bản chất của nhà nước. Đó là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Đồng thời với chủ trương tăng cường pháp chế, các Nghị quyết của Đại hội IX cũng chủ trương mở rộng dân chủ - là cơ sở chính trị - xã hội của nhà nước pháp quyền XHCN. Như vậy, Đại hội IX của Đảng đã khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền là vấn đề có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Điểm nổi bật là quan điểm về xây dựng Nhà nước pháp quyền của Đảng ta đã được thể chế hóa tại điều 2, Hiến pháp năm 1992 (sửa

đổi, bổ sung năm 2001): "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân".

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006), Đảng ta khẳng định: "Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền XHCN. Cần xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp".

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011), Đảng ta tiếp tục nêu rõ: "Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp"

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), Đảng ta tiếp tục đúc kết quan điểm nhất quán của Đảng về đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn phát triển mới. Báo cáo chính trị trình Đại hội XII xác định: "Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội. Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền XHCN. Đẩy mạnh hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất, xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền".

Qua hơn 30 năm đổi mới, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng như: Nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân có bước phát triển. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của bộ máy nhà nước được xác định rõ hơn và có những bước tiến trong hoạt động. Vai trò của pháp luật trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, trong quản lý xã hội ngày càng được đề cao. Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước được xác định rõ hơn và trong tổ chức thực hiện đã có những bước tiến nhất định. Các nghị quyết của Đảng đã từng bước làm rõ những phương hướng cơ bản mối quan hệ lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trên các lĩnh vực.

Tuy nhiên, một số nội dung về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, việc đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước còn chuyển biến chậm. Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, nhiều nội dung chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, còn chồng chéo; tính công khai, minh bạch, khả thi, ổn định còn hạn chế. Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực thi công vụ còn nhiều yếu kém. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu đề ra; tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân còn chậm.

Vì vậy, để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân cần quán triệt sâu sắc những phương hướng cơ bản sau đây:

- Một là, phát huy dân chủ, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân. Dân chủ XHCN là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.
- Hai là, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền XHCN.
- Ba là, hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.
- Bốn là, chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong tình hình mới.
- Năm là, đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tóm lại, trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta đã nhận thức, đúc kết, bổ sung, phát triển lý luận về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, trong đó vừa làm sâu sắc thêm những quan điểm, tư tưởng đã được thể hiện nhất quán trong các văn kiện của Đảng, vừa có những phát triển mới đáp ứng đòi hỏi của tình hình thực tiễn. Chúng ta tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự nỗ lực phấn đấu bền bỉ của Nhà nước và nhân dân ta, Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân sẽ được tiếp tục xây dựng và trở thành hiện thực ở Việt Nam.

quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về việc xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở VN?

Trong Văn kiện Đại hội X, khẳng định dân chủ XHCN vừa là mục tiêu, vừa là động lực của đổi mới. Xã hội XHCN mà chúng ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, do nhân dân lao động làm chủ... Dân chủ XHCN gắn liền với Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. dân chủ XHCN nằm trong hệ mục tiêu của đổi mới, thể hiện bản chất ưu việt của CNXH. Để đi lên CNXH, cùng với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhất thiết phải xây dựng thành công nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh... Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân được Đảng ta tổng kết là một trong năm bài học lớn của đổi mới. Đảng ta nhận thức rằng, dân chủ XHCN thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng nhà nước và nhân dân

Phần đấu cho quyền làm chủ thật sự của nhân dân được thực hiện, nhân dân là chủ thể của quyền lực, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân, Nhà nước là người nhận quyền lực xã hội do nhân dân ủy giao phó để tổ chức và thực hiện đường lối chính trị của Đảng, hành động vì quyền lợi của nhân dân, làm điều lợi, tránh điều hại cho dân, chăm lo phát triển sức dân, bồi dưỡng và tiết kiệm sức dân theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhân dân là người chủ xã hội, cho nên nhân dân không chỉ có quyển, mà còn có trách nhiệm tham gia hoạch định, thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Nói như Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân có quyền làm chủ thì đồng thời cũng có nghĩa vụ của người chủ. Một nền dân chủ chân chính, tiến bộ và hiện đại bao giờ cũng gắn liền quyền với nghĩa vụ, lợi ích với trách nhiệm. Đó là quan hệ mật thiết không thể tách rời, nó thấm nhuần trong các quan

hệ giữa công dân với Nhà nước, cá nhân với xã hội, thành viên với cộng đồng. Tất cả được luật pháp điều chỉnh, điều tiết, chi phối để dân chủ không biến dạng thành các hành vi phản dân chủ. Bằng cách đó, đạt được mục tiêu dân chủ sẽ dẫn tới sự phát triển tích cực, lành mạnh của cá nhân và xã hội. Trong các thể chế dân chủ của nền dân chủ XHCN, mối quan hệ giữa dân chủ với tập trung trong nguyên tắc (hay chế độ) tập trung dân chủ của hoạt động chính trị và quan hệ giữa dân chủ với đoàn kết, đồng thuận và hợp tác của cộng đồng xã hội, trong đời sống xã hội là những mối quan hệ nổi bật. Giải quyết đúng các mối quan hệ này sẽ chẳng những làm cho dân

chủ thật sự là mục tiêu, mà còn là động lực phát triển. Đó là sự thống nhất và tác động lẫn nhau giữa mục tiêu và động lực của dân chủ.

Trong mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị, dân chủ cần có tập trung như một bảo đảm tất yếu, không thể thiếu. Như vậy, tập trung không đối lập với dân chủ mà chỉ đối lập với tự do vô chính phủ, tính phân tán, cát cứ, cục bộ địa phương và thói phường hội. Dân chủ không đối lập với tập trung, mà chỉ đối lập với quan liêu, chuyên chế, độc tài. Với Đảng Cộng sản Việt Nam, nhờ giữ vững tập trung dân chủ mà Đảng ta là một Đảng chiến đấu, Đảng hành động, có sức mạnh của tính tổ chức, tính kỷ luật. Với Nhà nước pháp quyền XHCN, tập trung dân chủ sẽ làm tăng hiệu lực của quản lý, nhất là quản lý kinh tế, quản lý các nguồn lực của phát triển.

Câu 10: Bản chất của dân chủ XHCN. So sánh điểm giống và khác nhau giữa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với nền dân chủ tư bản chủ nghĩa?

🖶 Khái quát về bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa như sau:

Bản chất chính trị: Dưới sự lãnh đạo duy nhất của một đảng của giai cấp công nhân - đảng Mác-Lênin mà trên mọi lĩnh vực xã hội đều thực hiện quyền lực của nhân dân, thể hiên qua các quyền dân chủ, làm chủ, quyền con người, thoả mãn ngày càng cao hơn các nhu cầu và các lơi ích của nhân dân. Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ rõ: Bản chất chính trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn xã hội, nhưng không phải chỉ để thực hiên quyền lực và lợi ích riêng cho giai cấp công nhân, mà chủ yếu là để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân, trong đó có giai cấp công nhân. Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ: Trong chế đô dân chủ xã hôi chủ nghĩa thì bao nhiều quyền lưc đều là của dân, bao nhiều sức manh đều ở nơi dân, bao nhiều lợi ích đều là vì dân... Chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa... do đó về thực chất là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, khác với các cuộc cách mạng trước đây là ở chỗ nó là cuộc cách mạng của số đông, vì lơi ích của số đông nhân dân. V.I. Lênin còn nhấn manh rằng: Dân chủ xã hôi chủ nghĩa là chế đô mà nhân dân ngày càng tham gia nhiều vào công việc nhà nước. Với ý nghĩa đó, V.I. Lênin đã diễn đạt một cách khái quát về bản chất và mục tiêu của

dân chủ xã hội chủ nghĩa rằng: đó là nền dân chủ "gấp triệu lần dân chủ tư sản". Do vậy, dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

Bản chất kinh tế: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ hiện đại nhằm thoả mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.

Bản chất kinh tế đó chỉ được bộc lộ đầy đủ qua một quá trình ổn định chính trị, phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của toàn xã hội, dưới sự lãnh đạo của đảng Mác-Lênin và quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ... của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Bản chất kinh tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dù khác về bản chất kinh tế của các chế độ tư hữu, áp bức, bóc lột, bất công, nhưng cũng như toàn bộ nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nó không hình thành từ "hư vô" theo mong muốn của bất kỳ ai. Kinh tế xã hội chủ nghĩa cũng là sự kế thừa và phát triển mọi thành tựu nhân loại đã tạo ra trong lịch sử, đồng thời lọc bỏ những nhân tố lạc hậu, tiêu cực, kìm hãm... của các chế độ kinh tế trước đó, nhất là bản chất tư hữu, áp bức bóc lột, bất công... đối với đa số nhân dân.

Bản chất tư tưởng - văn hoá: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng Mác-Lênin – hệ tư tưởng của giai cấp công nhân làm nền tảng, chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới (như văn học nghệ thuật, giáo dục, đạo đức, lối sống, văn hoá, xã hội, tôn giáo v.v.). Đồng thời, dân chủ xã hội chủ nghĩa kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hoá truyền thống các dân tộc; tiếp thu những giá trị tư tưởng - văn hoá, văn minh, tiến bộ xã hội... mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc...

Do đó, đời sống tư tưởng - văn hoá của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa rất phong phú, đa dạng, toàn diện và ngày càng trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu, thành mục tiêu và động lực cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

So sánh điểm giống và khác nhau giữa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với nền dân chủ tư bản chủ nghĩa?

Điểm giống nhau:

- Đều là nền chính trị dân chủ, chính quyền được hình thành do bầu cử và có nhiệm kỳ

- Trong thực tế cả hai chủ thuyết đều được tạo dựng lên để cải thiện đởi sống của những người bình thường

Điểm khác nhau:

	C1 ' 1 ~ ~ 1 ^:	T -1 '- 1 ' 1~
D 2 1 6.	Chủ nghĩa xã hội	Tư bản chủ nghĩa
Bản chất	Bản chất của chủ nghĩa xã hội là	Bản chất của chủ nghĩa tư bản là
	phản ánh quan hệ sản xuất xã hội	phản ánh quan hệ sản suất xã hội
	mà trong đó không còn chế độ	mà trong đó giai cấp tư sản chiếm
	người bóc lột người, giải phóng	đoạt giá trị thặng dư do giai cập
	con người khỏi áp bức, bóc lột	công nhân sáng tạo ra. Bằng cách
	của giai cấp tư bản.	bóc lột không công của công nhân
		làm thuê.
Kinh Tế	- Nền đại công nghiệp	- Nền công nghiệp
	- Thành phần kinh tế nhà nước	- Thành phần kinh tế tư nhân đóng
	đóng vai trò chủ đạo	vai trò chủ đạo
	- Là nền kinh tế dựa trên quyền	- Là nền kinh tế dựa trên quyền tư
	công hữu	hữu
	- Xóa bỏ chế độ tư hữu, TBCN,	- Tuân theo chế độ tư hữu
	xác lập chế độ công hữu, XHCN	- Sản xuất trên nền tảng tư hữu hay
	về TLSX	nguyên tắc vốn và lãi khi tham gia
	- Tạo ra các tổ chức lao động cùng	vào thị trường.
	với kĩ thuật và kĩ thuật lao động	
	mới thực hiện nguyên tắc phân	
	phối theo lao động.	
Chính trị	CNXH có chế độ chính trị dân	Chế độ chính trị của TBCN dựa
•	chủ,nhà nước là của dân, dựa	trên chế độ đa đảng cạnh tranh và
	trên khối đại đoàn kết toàn dân	đa nguyên chính trị
	mà nòng cốt là liên minh công	<i>6</i> 7
	nông-trí thức do đảng cộng sản	
	lãnh đạo.	
	Chủ nghĩa xã hội có một đảng	
	lãnh đạo duy nhất.	
Xã hội	- Cơ sở vật chất-kỹ thuật của	- Sự ra đời của CNTB đã giải
	XHCN là nền đại công nghiệp	phóng loài người khỏi "đêm trường
	được phát triển lên từ tiền	trung cổ"của xã hội phong kiến;
	đề vật chất-kỹ thuật của nền đại	đoạn tuyệt với nền kinh tế tự nhiên
	công nghiệp TBCN	chuyển sản xuất nhỏ thành sản xuất
	- CNXH xóa bỏ chế độ tư hữu tư	lớn hiện đại
	nhân tư bản chủ nghĩa, thiết lập	

	chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về	- Phát triển lực lượng sản xuất
	tư liệu sản xuất	- Thực hiện xã hội hóa sản xuất
	- XHCN là một chế độ xã hội tạo	CNTB thông qua các cuộc cách
	ra được cách tổ chức lao động và	mạng công nghiệp đã lần đầu tiên
	kỉ luật lao động mới	biết tổ chức lao động theo kiểu
	- Xã hội XHCN là một chế độ xã	công xưởng, do đó đã xây dựng
	hội thực hiện nguyên tắc phân	được tác phong công nghiệp cho
	phối theo lao động, coi đó là	người lao động, làm thay đổi nền
	nguyên tắc cơ bản nhất.	nếp, thói quen của người lao động
	- Xã hội XHCN là một xã hội mà	sản xuất nhỏ trong XHPK
	ở đó nhà nước mang bản chất giai	- CNTB lần đầu tiên trong lịch sử
	cấp công nhân, có tính cá nhân	đã thiết lập nên nền dân chủ tư sản,
	rộng rãi tính dân tộc sâu	nền dân chủ này tuy chưa phải là
	sắc	hoàn hảo song so với thể chế chính
	- Xã hội XHCN là một xã hội đã	trị trong các XHPK, nô lệ, vẫn tiến
	thực hiện được sự giải phóng con	bộ hơn rất nhiều bởi vì nó được xây
	người khỏi ách áp bức, bóc lột,	dựng trên cơ sở thừa nhận quyền tự
	thực hiện bình đẳng xã hội,	do thân thể của cá nhân
	tạo điều kiện cho con người phát	
	triển toàn diện	
Văn Hóa	- Nền văn hoá có tính nhân dân	- Kinh tế là cơ sở vật chất của nền
	rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.	văn hóa
	- Là một nền văn hóa đặt dưới sự	- Chính trị là yếu tố quy định
	lãnh đạo của giai cấp công nhân	khuynh hướng phát triển của một
	- Hệ tư tương của giai cấp công	nền văn hóa, tạo nên nội dung ý
	nhân là nội dung cốt lõi giữ vai	thức hệ của văn hóa.
	trò chủ đạo quyết định phương	- Văn hóa chịu sự tác động của chủ
	hướng phát triển nền VH.	nghĩa tư bản và có tính thị trường
		hóa
		-Là một nền văn hóa
		tiêu dùng

Câu 11: Nội dung cơ bản của liên minh công – nông – trí trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở VN?

♣ Nội dung của liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ CNXH ở Việt Nam: được thể hiện ở ba nội dung:

Thứ nhất, nội dung chính trị của liên minh.

Ở nước ta, nội dung chính trị của liên minh thể hiện ở việc giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân, đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội để xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, giữ vững độc lập dân tộc và định hướng lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn còn tồn tại những hệ tư tưởng cũ, những phong tục tập quán cũ lạc hậu; các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách chống phá chính quyền cách mạng, chống phá chế độ mới, vì vậy trên lập trường tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân, để thực hiện liên minh, phải từng bước xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, đảm bảo các lợi ích chính trị, các quyền dân chủ, quyền công dân, quyền làm chủ, quyền con người của công nhân, nông dân, trí thức và của nhân dân lao động, từ đó, thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân. Động viên các lực lượng trong khối liên minh gương mẫu chấp hành đường lối chính trị của Đảng; pháp luật và chính sách của nhà nước; sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch và phản động.

Thứ hai, nội dung kinh tế của liên minh.

Nội dung kinh tế của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở nước ta thực chất là sự hợp tác giữa họ, đồng thời mở rộng liên kết hợp tác với các lực lượng khác, đặc biệt là đội ngũ doanh nhân... để xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa hiện đại; trong đó nội dung kinh tế xuyên suốt của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, phát triển bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Dưới góc độ kinh tế, xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư và tổ chức triển khai các hoạt động kinh tế đúng trên tinh thần đảm bảo lợi ích của các bên và tránh sự đầu tư không hiệu quả, lãng phí, ví dụ như nhu cầu của nông dân có ruộng đất, nhu cầu của công nhân là có việc làm, nhu cầu của trí thức được tham gia NCKH, được làm đúng chuyên môn đào tạo. Xác định đúng cơ cấu kinh tế (của cả nước, của ngành, địa phương, cơ sở sản xuất, v.v.). Từ đó, các địa phương, cơ sở, v.v... vận dụng linh hoạt và phù hợp vào địa phương mình, ngành mình để xác định cơ cấu cho đúng cũng như phải xác định trồng cây gì, nuôi con gì cho hợp lý.

Tổ chức các hình thức giao lưu, hợp tác, liên kết kinh tế giữa công nghiệp - nông nghiệp - khoa học và công nghệ - dịch vụ...; giữa các ngành kinh tế; các thành phần

kinh tế, các vùng kinh tế; giữa trong nước và quốc tế... để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống cho công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội. Chuyển giao và ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ cao vào quá trình sản xuất kinh doanh nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ nhằm gắn kết chặt chẽ các lĩnh vực kinh tế cơ bản của quốc gia, qua đó gắn bó chặt chẽ công nhân, nông dân, trí thức và các lực lượng khác trong xã hội làm cơ sở kinh tế - xã hội cho sự phát triển của quốc gia. Ví dụ, liên kết "bốn nhà" Nhà nước, nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học trong nông nghiệp để đảm bảo đầu vào, đầu ra, giống, phân bón, quy trình sản xuất, cung cấp cây giống; trách được mùa mất giá, gây bất lợi cho nông dân.

Thứ ba, nội dung văn hóa xã hội của liên minh.

Mục tiêu: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng tới chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Nội dung văn hoá, xã hội của liên minh đòi hỏi phải đảm bảo kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa; bảo vệ môi trường sinh thái; xây dựng 116 nông thôn mới; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xoá đói giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân; chăm sóc sức khoẻ và nâng cao chất lượng sống cho nhân dân; nâng cao dân trí, thực hiện tốt an sinh xã hội. Đây là nội dung cơ bản, lâu dài tạo điều kiện cho liên minh phát triển bền vững.

Câu 12: liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN? trách nhiệm của thanh niên, sinh viên, trong việc góp phần củng cố khối liên minh giai cấp tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết nhân dân?

↓ Liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN:

Nội dung kinh tế của liên minh. Đây là nội dung cơ bản quyết định nhất, là cơ sở vật chất – kỹ thuật của liên minh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Mục đích: nhằm thoả mãn những nhu cầu, lợi ích kinh tế của giai cấp công nhân, giai cấp nông nhân, tầng lớp tri thức và các tầng lớp khác trong xã hội, nhằm tạo cơ sở vật chất – kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện liên minh trên lĩnh vực kinh tế cần phải:

Thứ nhất, xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của từng giai cấp trong khối liên minh toàn xã hội. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư các bên và tránh

sự đầu tư và triển khai các hoạt động kinh tế đúng trên tinh thần đảm bảo lợi ích của các bên tránh sự đầu tư không hiệu quả, lãng phí. Xác định đúng cơ cấu kinh tế (của cả nước, của ngành, địa phương, cơ sở sản xuất,...) từ đó, các địa phương, cơ sở, vận dụng linh hoạt và phù hợp vào các địa phương mình, ngành mình để xác định cơ cấu kinh tế cho đúng. Ví dụ: nhu cầu của nông dân có ruộng đất, nhu cầu của công nhân là có việc làm, nhu cầu của trí thức được tham gia nghiên cứu khoa học, được làm đúng chuyên môn đào tạo.

Thư hai, xác định cơ cấu kinh tế hợp lý, xác định cơ cấu vùng, kinh tế ngành, kinh tế địa phương và cơ cấu kinh tế cả nước. Để vận dụng linh hoạt và phù hợp với địa phương để xác định cơ cấu kinh tế cho đúng. Ví dụ: trồng cây gì, nuôi con gì cho hợp lý.

Thứ ba, tổ chức hình thức giao lưu, , trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư các bên và tránh sự đầu tư và triển khai các hoạt động kinh tế đúng trên tinh thần đảm bảo lợi ích của các bên tránh sự đầu tư không hiệu quả, lãng phí. Xác định đúng cơ cấu kinh tế (của cả nước, của ngành, địa phương, cơ sở sản xuất,...) từ đó, các địa phương, cơ sở, vận dụng linh hoạt và phù hợp vào các địa phương mình, ngành mình để xác định cơ cấu kinh tế cho đúng. Ví dụ: liên kết " bốn nhà" Nhà nước, nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học trong nông nghiệp để đảm bảo đầu vào, đầu ra, giống, phân bón, qui trình sản xuất, cung cấp cây giống; tránh được mùa mất giá, gây bất lợi cho nông dân.

Nội dung chính trị của liên minh:

Mục tiêu: giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của GCCN, đồng thời giữa vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội để xây dụng và bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, giữa vững độc lập dân tộc và định hướng đi lên CNXH.

Thực hiện mục tiêu liên minh trên lĩnh vực chính trị phải:

Thứ nhất, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong khối liên minh: Ở nước ta, nội dung chính trị của liên minh thể hiện ở việc giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân, đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội để xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, giữ vững độc lập dân tộc và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội

Thứ hai, hoàn thiện phát huy dân chủ XHCN và quyền làm chủ của nhân dân.

Thứ ba, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, vì nhân dân: đảm bảo các lợi ích chính trị, các quyền dân chủ, quyền công dân, quyền làm chủ, quyền con người của công nhân, nông dân, trí thức và của nhân dân lao động, từ đó, thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân

Thứ tư, động viên nhân dân tham gia vào bảo vệ tổ quốc, bảo vệ chế độ XHCN: Khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cần thực hiện nhằm tạo cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn thử thách và đập tan mọi âm mưu chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thứ năm, chống mọi biểu hiện tiêu cực và âm mưu diễn biến hoà bình: Động viên các lực lượng trong khối liên minh gương mẫu chấp hành đường lối chính trị của Đảng, pháp luật và chính sách của nhà nước; sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực và âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch và phản động.

Nội dung văn hóa xã hội của liên minh:

Mục tiêu: xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng tới chân - thiện - mỹ, thâm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Thực hiện mục tiêu liên minh trên lĩnh vực văn hoá -xã hội cần phải:

Tổ chức liên minh để các lực lượng dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng nhau xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa, giá trị văn hóa của nhân loại và thời đại.

Nội dung văn hoá, xã hội của liên minh giai cấp, tầng lớp đòi hỏi phải đảm bảo "gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội" Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xoá đói giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân; chăm

sóc sức khoẻ và nâng cao chất lượng sống cho nhân dân; nâng cao dân trí, thực hiện tốt an sinh xã hội. Đây là nội dung cơ bản, lâu dài tạo điều kiện cho liên minh giai cấp, tầng lớp phát triển bền vững.

Trách nhiệm của thanh niên, sinh viên, trong việc góp phần củng cố khối liên minh giai cấp tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết nhân dân.

Quán triệt tư tưởng đại đoàn kết là vấn đề sống còn của dân tộc.

Không phân biệt các dân tộc, tôn giáo, các giai cấp, các ngành nghề trong mặt trận dân tộc thống nhất.

Cùng với tổ chức Đoàn thanh niên tuyên truyền tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong các lĩnh vực văn hoá, kinh tế, và an ninh quốc phòng. Cương quyết chống lại những ý kiến xuyên tạc, gây mất đoàn kết trong nhân dân.

Mỗi thanh niên hôm nay luôn có ý thức không ngừng tự tu dưỡng rèn luyện và hình thành cho mình bản lĩnh sống, bản lĩnh chính trị vững vàng, bản lĩnh nghề nghiệp vững chắc; không ngừng nổ lực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng động sáng tạo, không ngừng rèn luyện nhân cách lối sống; xung kích tình nguyện vì tổ quốc, vì cộng đồng để tiếp tục hoàn thành sứ mệnh lịch sử vẻ vang "là người chủ tương lương của đất nước" mà Đảng và Bác Hồ, nhân dân đã tin tưởng giao cho.

Câu 13: quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo?

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, dân tộc là quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người, trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao, bao gồm: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc, dân tộc. Sự biến đổi của phương thức sản xuất chính là nguyên nhân quyết định sự biến đổi của cộng đồng dân tộc.

Ở phương Tây, dân tộc xuất hiện khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được xác lập thay thế phương thức sản xuất phong kiến. Ở phương Đông, dân tộc được hình thành trên cơ sở một nền văn hoá, một tâm lý dân tộc đã phát triển tương đối chín muồi; và một cộng đồng kinh tế tuy đã đạt tới một mức độ nhất định song nhìn chung còn kém phát triển và ở trạng thái phân tán.

Dân tộc được hiểu theo hai nghĩa cơ bản:

Thứ nhất: Dân tộc (nation) hay quốc gia dân tộc là cộng đồng chính trị - xã hội có những đặc trưng cơ bản sau đây:

- Có chung phương thức sinh hoạt kinh tế. Đây là đặc trưng quan trọng nhất, dân tộc và là cơ sở liên kết các bộ phận, các thành viên ân, các thành viên của dân tộc, tạo nên nền tản vững chắc của dân tộc.
- Có lãnh thổ chung ổn định không bị chia cắt, là địa bàn sinh tồn và phát tri của cộng đồng dân tộc. Khái niệm lãnh thổ bao gồm cả vùng đất, vùng biên, hải đản vùng trời thuộc chủ quyền của quốc gia dân tộc và thường được thể chế hoá thành luật pháp quốc gia và luật pháp quốc tế. Vận mệnh dân tộc một phần rất quan trọng gắn với việc xác lập và bảo vệ lãnh thổ quốc gia dân tộc.
 - Có sự quản lý của một nhà nước, nhà nước dân tộc độc lập.
- Có ngôn ngữ chung của quốc gia làm công cụ giao tiếp trong xã hội và trong cộng đồng (bao gồm cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết).
- Có nét tâm lý biểu hiện qua nền văn hóa dân tộc và tạo nên bản sắc riêng của nền văn hóa dân tộc. Đối với các quốc gia có nhiều tộc người thì tính thông nhất trong đa dạng văn hóa là đặc trưng của nền văn hoá dân tộc.

Thứ hai: Dân tộc – tộc người (ethnies). Ví dụ dân tộc Tày, Thái, E Đê... ở Việt Nam hiện nay. Theo nghĩa này, dân tộc là cộng đồng người được hình thành lâu dài trong lịch sử và có ba đặc trưng cơ bản sau:

- Cộng đồng về ngôn ngữ (bao gồm ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết, hoặc chỉ riêng ngôn ngữ nói). Đây là tiêu chí cơ bản để phân biệt các tộc người khác nhau và là vấn đề luôn được các dân tộc coi trọng giữ gìn. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển tộc người vì nhiều nguyên nhân khác nhau, có những tộc người không còn ngôn ngữ mẹ đẻ mà sử dụng ngôn ngữ khác làm công cụ giao tiếp.
- Cộng đồng về văn hóa. Văn hóa bao gồm văn hóa vật thể và phi vật thể ở môi tộc người phản ánh truyền thống, lối sống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của tộc người đó. Lịch sử phát triển của các tộc người gắn liền với truyền thống văn hóa của họ. Ngày nay, cùng với xu thế giao lưu văn hóa vẫn song song tồn tại xu thế bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của mỗi tộc người.
- Ý thức tự giác tộc người. Đây là tiêu chí quan trọng nhất để phân định một tộc người và có vị trí quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người. Đặc trưng nổi bật là là các tộc người luôn tự ý thức về nguồn gốc, tộc danh của dân tộc đó còn là ý thức tự khẳng định sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người dù cho lưu kinh tế, văn hóa... Sự hình thành quan trực tiếp đến các yếu tố của những tác động làm thay đổi địa bàn cư trú, lãnh thổ, hay tác động ảnh hưởng của kinh tế, văn

hóa... Sự hình thành và phát triển của ý thức tự giác tộc người đến các yếu tố của ý thức, tình cảm, tâm lý tộc người. Sự hình thành và phát triển của ý thức tự giác tộc người liên quan trực tiếp đến các yếu tố của ý thức, tình cảm và tâm lý tộc người.

Ba tiêu chí này tạo nên sự ổn định trong mỗi tộc người trong quá trình trong quá trình phát triển. Đồng thời căn cứ vào ba tiêu chí này để xem xét và phân định các tộc người ở Việt Nam hiện nay.

Trong một quốc gia có nhiều tộc người, căn cứ vào số lượng của mỗi cộng đồng, vào trình độ phát triển của mỗi cộng đồng, người ta phân thành tộc người đa số và tộc người thiểu số. Cách gọi này không căn cứ vào trình độ phát triển của mỗi cộng đồng.

Như vậy, khái niệm dân tộc cần phải được hiểu theo hai nghĩa khác nhau. Thực chất, ở vấn đề này tuy khác nhau nhưng lại gắn bó rất mật thiết với nhau và không thể tách rời nhau.

Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc

Nghiên cứu vấn đề dân tộc, V.I.Lênin phát hiện ra hai xu hướng khách quan trong sự phát triển quan hệ dân tộc.

Xu hướng thứ nhất, cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập. Nguyên nhân là do sự thức tỉnh, sự trưởng thành về ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư đó muốn tách ra để thành lập các dân tộc độc lập.

Xu hướng này thể hiện rõ nét trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc muốn thoát khỏi sự áp bức, bóc lột của các nước thực dân, đế quốc.

Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau.

Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc đi bóc lột thuộc địa; do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hoá trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã làm xuất hiện nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Trong thời đại ngày nay, hai xu hướng này diễn ra với những biểu hiện rất đa dạng và phong phú. Xu hướng này thể hiện trong phong trào đấu tranh giải phóng

dân tộc của các dân tộc bị áp bức nhằm xóa bỏ ách đô hộ của thực dân đế quốc, khẳng định quyền tự quyết dân tộc: hoặc đấu tranh để thoát khỏi sự kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc; hoặc đấu tranh để thoát khỏi tình trạng bị động hóa cưỡng bức của các dân tộc nhỏ dưới ách áp hức của các nước tư bản chủ nghĩa. Ví dụ phong trào này đã diễn ra mạnh mẽ vào những năm 60 của thế kỷ XX và Kết quả là khoảng 100 quốc gia đã giành được độc lập dân tộc.

Ngày nay, xu hướng xích lại gần nhau thể hiện ở sự liên minh của các dân tộc trên cơ sở lợi ích chung về kinh tế, về chính trị, văn hoá, quân sự... để hình thành, minh đa dạng, như liên minh khu vực: ASEAN, EU...

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác về mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp kết hợp phân tích hại xu hướng khách quan trong sự phát triển dân tộc, dựa vào kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và thực nàng thế giới và thực tiễn cách mạng Nga trong việc gia: quyết vấn đề dân tộc những năm đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin đã khái quát Cương lĩnh dân tộc như sau: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại".

Một là: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ trình độ phát triển cao hay thấp. Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa. Trong quan hệ xã hội cũng như trong quan hệ quốc tế, không một dân tộc nào có quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác.

Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lý, nhưng quan trọng hơn nó phải được thực hiện trên thực tế.

Để thực hiện được quyền bình đẳng dân tộc, trước hết phải thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, trên cơ sở đó xoá bỏ tình trạng áp bức dân tộc; phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

Hai là: Các dân tộc được quyền tự quyết

Đó là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình. Quyền

tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

Tuy nhiên, việc thực hiện quyền dân tộc tự quyết phải xuất phát từ thực tiễn - cụ thể và phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo sự thống nhất giữa lớp ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân. V.I.Lênin đặc biệt chú trọng quyền tự quyết của các dân tộc bị áp bức, các dân tộc phụ thuộc, Quyền tự quyết dân tộc không đông nhất với "quyền" của các tộc người thiếu ở một quốc gia đa tộc người, nhất là việc phân lập thành quốc gia độc lạ: quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài "dân tộc tự quyết" để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

- Ba là: Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự Công nhân các dân tộc phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa thu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính. Phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tỉnh thần của chủ nghĩa yêu Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là và hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chó ng thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa để quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung này vừa là chủ yếu vừa là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dán một chỉnh thể.

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở lý luận quan trọng để các Đang cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 14: quan điểm của Đảng và Nhà nước VN về vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH?

Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết quan hệ dân tôc

Đảng cộng sản Việt Nam ngay từ khi mới ra đời đã thực hiện nhất quán những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc. Căn cứ vào thực tiễn lịch sử đấu tranh cách mạng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam cũng như dựa vào tình hình thế giới trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi trọng vấn đề dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc có tầm quan trọng đặc biệt. Trong mỗi thời kỳ cách mạng, Đảng và Nhà nước ta coi việc giải quyết đúng

đắn vấn đề dân tộc là nhiệm vụ có tính chiến lược nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, cũng như tiềm năng của từng dân tộc và đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội XII khẳng định: "Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các cấp. Chông kỳ thị dân tộc, nghiêm trị những âm mưu hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc"

Tựu trung lại, quan điểm cơ bản của Đảng ta về vấn đề dân tộc thể hiện ở các nội dung sau:

- Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam. Trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp u phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp đa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đại nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.
- Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đế xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.
- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc. đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.
- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị"

Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam

Chính sách dân tộc cơ bản của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện cụ thể ở những điểm sau:

Về chính trị: thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Chính sách dân tộc góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân; nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, đoàn kết các dân tộc, thống nhất mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Về kinh tế, nội dung, nhiệm vụ kinh tế trong chính sách dân tộc là các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế xã hội miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nhằm phát huy tiềm năng phát triển, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, giữa các dân tộc. Thực hiện các nội dung kinh tế thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế ở các vùng dân tộc thiểu số, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt chiến lượt phát triển kinh tế xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ địa cách mạng.
- Về văn hóa: xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc: Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các ngữ, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân các dân tộc. Đào tạo cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường, thiết chế văn hóa phù hợp điều kiện của các tộc người trong quốc gia đa dân tộc. Đồng thời, mở rộng giao lưu văn hóa với các quốc gia, khu vực và trên thế giới. Đấu tranh chống tệ nạn xã hội, diễn biến hòa bình trên mặt trận tư tưởng văn hóa ở nước
- Về xã hội; thực hiện chính sách xã hội, đan bào dân tộc thiểu số. Từng bước thực hiện bình đẳng xã hội, thực hiện chính sách phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm giá dục trên cơ sở chú ý đến tính đặc thù mỗi vùng, mỗi dân tộc. Phát huy thống chính trị cơ sở và các tổ chức chính trị xã hội ở miền núi, vùng đồng bào dân **tộc thiểu số.**
- Về an ninh quốc phòng, tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trên từng địa bàn. Tăng cường quan hệ quân dân, tạo thế trận quốc phòng toàn dân trong vùng đồng bào dân tộc sinh sống.

Thực hiện đúng chính sách dân tộc hiện nay ở Việt Nam là phải phát triển toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng các địa bàn vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, rừng núi, hải đảo của tổ quốc.

Như vậy, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta mang tính chất toàn diện, tổng hợp, bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, liên quan đến mỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia. Phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc là nền tảng để tăng cường đoàn kết và thực hiện quyền bình đẳng dân tộc, là cơ sở để từng bước khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc. Do vậy, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta mang tính cách mạng và tiến bộ, đồng thời còn mang tính nhân văn sâu sắc. Bởi vì, chính sách đó không bỏ sót bất kỳ dân tộc nào, không cho phép bất cứ tư tưởng kỳ thị, chia rẽ dân tộc nào; đồng thời nó còn nhằm phát huy nội lực của mỗi dân tộc kết hợp với sự giúp đỡ có hiệu quả của các dân tộc anh em trong cả nước.

Câu 15: sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH và những vấn đề đặt ra từ sự biến đổi của gia đình? Trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng gia đình ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH hiện nay?

♣ Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH và những vấn đề đặt ra từ sự biến đổi của gia đình

Biến đổi về quy mô kết cấu của gia đình:

Quy mô gia đình ngày nay tôn tại xu hướng thu nhỏ hơn so với trước kia, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi. Nếu như gia đình truyền thống xưa có thể tồn tại đến ba, bốn thế hệ cùng chung sống dưới một mái nhà thì hiện nay, quy mô gia đình nhưng phổ biến nhất vẫn là loại hình gia đình hạt hiện đại đã ngày càng được thu nhỏ lại. Gia đình Việt Nam hiện đại chỉ có hai cùng sống chung: cha mẹ - con cái, số con trong gia đình cũng không nhiều như trước, cá biệt còn có số ít gia đình đơn thân, nhưng phổ biến nhất vẫn là gia đình nhật nhân quy mô nhỏ.

Quy mô gia đình Việt Nam ngày càng thu nhỏ nhằm đáp ứng những nhu cầu và điều kiện của thời đại mới đặt ra. Sự bình đẳng nam nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn, tránh được những mâu thuẫn trong gia đình truyền thống. Sự biến đổi của gia đình cho thấy chính nó đang làm chức năng tích cực thay đổi bản thân gia đình và thay đổi hệ thống xã hội, làm cho xã hội trở lên thích nghi hơn và phù hợp hơn với tình hình mới, thời đại mới

Tất nhiên, quá trình biến đổi đó cũng gây những phản chức năng như tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thành viên trong gia đình, tạo khó khăn, trở lực trong việc gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình. Con người dường như rơi vào vòng xoáy của đồng tiền và vị thế xã hội mà vô tình đánh mất đi tình cảm gia đình. Các thành viên ít quan tâm lo lăng điện nhận và giao tiếp với nhau hơn, làm cho mối quan hệ gia đình trở nên rời rạc, lỏng lẻo...

Biến đổi về thực hiện các chức năng của gia đình:

Chức năng tái sản xuất ra con người

Với những thành tựu của y học hiện đại, hiện nay việc sinh để được các gia đình tiên lành một cách chủ động, tự giác khi xác định số lượng con cái và thời điểm sinh con. Hơn nữa, việc sinh con còn chịu sự điều chỉnh bởi chính sách xã hội của Nhà nước, tùy theo tình hình dân số và nhu cầu về sức lao động của xã hội.

Vd : Ở nước ta, từ những năm 70 và 80 của thế kỷ XX, Nhà nước đã tuyên truyền, phổ biến và áp dụng rộng rãi các phương tiện và biện pháp kỹ thuật tránh thai và tiến hành kiểm soát dân số thông qua. Cuộc vận động sinh để có kế hoạch, khuyến khích mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ 1 đến 2 con. Sang thập niên đầu thế kỷ XXI, dân số Việt Nam đang chuyển sang giai đoạn già hóa. Để đảm bảo lợi ích của gia đình và sự phát triển bền vững của xã hội, thông điệp mới trong kế hoạch hóa gia đình là mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con.

Trong gia đình hiện đại, sự bền vững của hôn nhân phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tâm lý, tình cảm, kinh tế, chứ không phải chỉ là các yếu tố có con hay không có con, có con trai hay không có con trai như gia đình truyền thống.

Biến đổi chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng

Thứ nhất, từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa, tức là từ một đơn vị kinh tế khép kín sản xuất để đáp ứng nhu cầu của gia đình thành đơn vị mà sản xuất chủ yếu để đáp ứng nhu cầu của người khác hay của xã hội. Thứ hai, từ đơn vị kinh tế đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng như cầu của thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế của nền sản xuất thị trường hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu.

Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nguồn thu nhập bằng tiền của gia đình tăng lên làm cho gia đình trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội. Các giả đình Việt Nam đang tiến tới "tiêu dùng sản phẩm do người khác làm ra", tức là sự dụng hàng hóa và dịch vụ xã hội.

Biến đổi chức năng giáo dục (xã hội hóa).

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục xã hội thì ngày nay, giáo dục xã hội bao trùm lên giáo dục gia đình và đưa ra những mục tiêu, những yêu cầu của giáo dục xã hội cho giáo dục gia đình. Điểm tương đồng giữa giáo dục gia đình truyền thống và giáo dục của xã hội mới là tiếp tục nhấn mạnh sự hy sinh của cá nhân cho cộng đồng.

Giáo dục gia đình hiện nay phát triển theo xu hướng sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên. Tuy nhiên, sự phát triển của hệ thống giáo dục xã hội, cùng với sự phát triển kinh tế hiện nay, vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm. Hiện tượng trẻ em hư, bỏ học sớm, lang thang, nghiện hút cũng cho thấy phần nào sự bất lực của xã hội và việc chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm

Trong xã hội hiện đại, độ bền vững của gia đình không chỉ phụ thuộc vào sự ràng buộc của các mối quan hệ về trách nhiệm, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái; sự hy sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích gia đình, mà nó còn bị chi phối bởi các mối quan hệ hòa hợp tình cảm giữa chồng và vợ; cha mẹ và con cái, sự đảm bảo hạnh phúc cá nhân, sinh hoạt tự do, chính đáng của mỗi thành viên gia đình trong cuộc sống chung.

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm. Việc thực hiện chức năng này là một yếu tố rất quan trọng tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đặc biệt là việc bảo vệ chăm sóc trẻ em và người cao tuổi, nhưng hiện nay, các gia đình đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức

Cùng với đó, vấn đề đặt ra là cần phải thay đổi tâm lý truyền thống về vai trò của con trai, tạo dựng quan niệm bình đẳng giữa con trai và con gái trong trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ già và thờ phụng tổ tiên. Nhà nước cần có những giải pháp, biện pháp nhằm bảo đảm an toàn tình dục, giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho các thành viên sẽ là chủ gia đình tương lai; củng cố chức năng xã hội hóa của gia đình, xây dựng những chuẩn mực và mô hình mới về giáo dục gia đình, xây dựng nội dung và phương pháp mới về giáo dục gia đình, giúp cho các bậc cha mẹ có định hướng trong giáo dục và hình thành nhân cách trẻ em; giải quyết thỏa đáng mâu thuẫn giữa nhu cầu tự do, tiến bộ của người phụ nữ hiện đại với trách nhiệm

làm dâu theo quan niệm truyền thống, mâu thuẫn về lợi ích giữa các thế hệ, giữa cha mẹ và con cái. Nó đòi hỏi phải hình thành những chuẩn mực mới, bảo đảm sự hài hòa lợi ích giữa các thành viên trong gia đình cũng như lợi ích giữa gia đình và xã hội.

Biến đổi về quan hệ trong gia đình:

Biến đổi quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, không còn một mô hình duy nhất là đàn ông làm chủ gia đình. Ngoài mô hình người đàn ông - người chồng làm chủ gia đình ra thì còn có ít nhất hai mô hình khác cùng tồn tại. Đó là mô hình người phụ nữ - người vợ làm chủ gia đình và mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình. Người chủ gia đình được quan niệm là người có những phẩm chất, năng lực và đóng góp vượt trội, được các thành viên trong gia đình coi trọng. Ngoài ra, mô hình người chủ gia đình phải là người kiếm ra nhiều tiền cho thấy một đòi hỏi mới về phẩm chất của người lãnh đạo gia đình trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế.

Biến đổi quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, quan hệ giữa các thế hệ cũng như các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình cũng không ngừng biến đổi. Trong gia đình truyền thống một đứa trẻ sinh ra và lớn lên dưới sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ khi còn nhỏ. Trong gia đình hiện đại, việc giáo dục trẻ em gần như phó mặc cho nhà trường mà thiếu đi sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ. Ngược lại, người cao tuổi trong gia đình truyền thống thường sống cùng với con cháu, cho nên nhu cầu về tâm lý, tình cảm được đáp ứng đầy đủ. Còn khi quy mô gia đình bị biến đổi, người cao tuổi phải đối mặt với sự cô đơn thiếu thốn về tình cảm

Những biến đổi trong quan hệ gia đình cho thấy, thách, gia đình Việt Nam là mâu thuẫn giữa các thế hệ, do sự khác biệt về tuổi tác khi cùng chung sống với nhau. Gia đình càng nhiều thế hệ, mâu thuẫn thế hệ càng lớn.

Ngày càng xuất hiện nhiều hiện tương mà trước đây chưa hề hoặc ít có như: bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, ngoại tình, sống thử... Chúng đã làm rạn nứt, phá vỡ sự bền vững của gia đình, làm cho gia đình trở nên mong manh, dễ tan vỡ hơn. Các tệ nạn như trẻ em lang thang, nghiện hút, buôn bán phụ nữ qua biên giới đang đe dọa, gây nhiều nguy cơ làm tan rã gia đình.

↓ Trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay